

ỦY BAN DÂN TỘC

**CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
“NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ CẤP BÁCH
VỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC
Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030”
MÃ SỐ: CTDT/16-20**

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Đề tài: CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN, CẤP BÁCH
NHẪM PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG Ở VÙNG DÂN TỘC
THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI VIỆT NAM
Mã số: CTDT.41.18/16-20**

**Cơ quan chủ trì: Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương
Chủ nhiệm đề tài: TS. Trịnh Thị Thanh Thủy**

HÀ NỘI - 2020

ỦY BAN DÂN TỘC

**CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
“NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ CẤP BÁCH
VỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC
Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030”
MÃ SỐ: CTDĐT/16-20**

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Đề tài: CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN, CẤP BÁCH
NHẪM PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG Ở VÙNG DÂN TỘC
THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI VIỆT NAM
Mã số: CTDĐT.41.18/16-20**

**Cơ quan chủ trì: Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương
Chủ nhiệm đề tài: TS. Trịnh Thị Thanh Thủy**

Chủ nhiệm đề tài



Trịnh Thị Thanh Thủy

**Cơ quan chủ trì
VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Hội

HÀ NỘI - 2020

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1.....	7
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	7
1.1. Một số khái niệm liên quan về phát triển thị trường.....	7
1.1.1. Khái niệm liên quan về phát triển thị trường hàng hoá.....	7
1.1.2. Khái niệm liên quan về phát triển thị trường lao động, tài chính và khoa học và công nghệ.....	7
1.2. Đặc điểm thị trường vùng dân tộc thiểu số và miền núi.....	8
1.2.1. Đặc điểm thị trường hàng hóa vùng dân tộc thiểu số và miền núi.....	8
1.2.2. Đặc điểm thị trường lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8
1.2.3. Đặc điểm thị trường tài chính vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8
1.2.4. Đặc điểm thị trường KH&CN vùng dân tộc thiểu số và miền núi.....	8
1.3. Vai trò và mối quan hệ của các thị trường ở vùng DTTS&MN.....	9
1.4. Nhân tố ảnh hưởng đến phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN.....	9
1.5. Nội dung phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi	9
1.6. Tiêu chí đánh giá sự phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN.....	10
1.6.1. Tiêu chí đánh giá sự phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN.....	10
1.6.2. Tiêu chí đánh giá sự phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN.....	10
1.6.3. Tiêu chí đánh giá phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN.....	11
1.6.4. Tiêu chí đánh giá sự phát triển thị trường KH&CN ở vùng DTTS&MN.....	11
1.7. Tiêu chí đánh giá chính sách phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN.....	11
1.8. Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia về phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN và bài học rút ra	11
CHƯƠNG 2.....	13
CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NƯỚC TA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI	13
2.1. Tổng quan chính sách phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta thời kỳ từ năm 1986 đến nay	13
2.2. Đánh giá chính sách phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay	13
2.3. Tổng quan chính sách phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN nước ta thời kỳ từ năm 1986 đến nay	14
2.4. Đánh giá chính sách phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay	14
2.5. Tổng quan chính sách phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta thời kỳ từ năm 1986 đến nay	14
2.8. Đánh giá chính sách phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay	16
CHƯƠNG 3.....	17
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NƯỚC TA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI	17

3.1. Tình hình phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay	17
3.2. Đánh giá vai trò của các chủ thể trong phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN..	17
3.3. Đánh giá chung về tình hình phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay	17
3.4. Tổng quan tình hình phát triển thị trường lao động, tài chính và khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay	18
3.5. Đánh giá vai trò của các chủ thể trong phát triển thị trường lao động, tài chính và khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN.....	18
CHƯƠNG 4.....	21
QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP CƠ BẢN, CẤP BÁCH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NƯỚC TA ĐẾN NĂM 2030	21
4.1. Bối cảnh mới tác động đến phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN nước ta	21
4.2. Dự báo thị trường ở vùng DTTS&MN ở nước ta đến năm 2030.....	21
4.3. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường ở vùng DTTS&MN.....	21
4.3.1. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN.....	21
4.3.2. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường lao động ở vùng DTTS&MN nước ta.....	23
4.3.3. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta.....	23
4.3.4. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường khoa học và công nghệ vùng DTTS&MN nước ta.....	23
4.4. Quan điểm phát triển các thị trường ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030	24
4.4.1. Quan điểm phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030	24
4.4.2. Quan điểm phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030	24
4.4.3. Quan điểm phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030	25
4.4.4. Quan điểm phát triển thị trường khoa học và công nghệ vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030.....	25
4.5. Định hướng phát triển các thị trường ở vùng DTTS&MN đến năm 2030	26
4.5.1. Định hướng phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030.....	26
4.5.2. Định hướng phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030.....	26
4.5.3. Định hướng phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030.....	26
4.5.4. Định hướng phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030	27
4.6. Giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030.....	27
4.7. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030	31
4.8. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030	32
4.9. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030	34
4.10. Một số kiến nghị về chương trình nghiên cứu khoa học và đề án nhằm phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.....	35
KẾT LUẬN	36

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết nghiên cứu đề tài

Việt Nam có 53 dân tộc thiểu số (DTTS) với 3,04 triệu hộ, 13,38 triệu người (chiếm 14,6% dân số cả nước), cư trú thành cộng đồng ở 51 tỉnh, thành phố, 548 huyện, 5266 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 382 xã biên giới (tiếp giáp với Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia). Các DTTS cư trú trên địa bàn rộng lớn, phân tán trên mọi vùng miền của Tổ quốc, nhưng chủ yếu sống ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới của đất nước. Với vai trò trọng yếu trong phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt là an ninh và quốc phòng, Đảng và Nhà nước ta luôn coi vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc là nhiệm vụ trọng tâm, cơ bản và có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Hệ thống chính sách dân tộc ngày càng hoàn thiện đã và đang đóng góp quan trọng trong sự phát triển KT-XH cho đồng bào DTTS trên khắp mọi miền của Tổ quốc. Kể từ khi bắt đầu khởi xướng công cuộc đổi mới đất nước 1986 đến nay, vùng đồng bào DTTS&MN đã trải qua những bước tiến phát triển mới theo các thang bậc khác nhau cùng với sự phát triển của đất nước, hệ thống chính sách phát triển vùng DTTS&MN ngày càng đồng bộ và hoàn thiện.

Thực tế ở Việt Nam, trong hơn 30 năm qua, chính sách dân tộc và phát triển DTTS&MN đã trở thành hệ thống từ Trung ương đến địa phương, các loại chính sách đã bao trùm đến các mặt đời sống của đồng bào các dân tộc: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng... của vùng DTTS&MN. Nhờ đó, diện mạo vùng DTTS&MN ngày càng khởi sắc, đời sống của đồng bào các dân tộc từng bước cải thiện rõ rệt.

Bối cảnh trong nước và quốc tế đang có thay đổi nhanh chóng, tình hình kinh tế - chính trị trong nước và quốc tế biến động bất thường và các cú shock kinh tế xảy ra thường xuyên (trong đó đối tượng thiệt hại nhiều nhất luôn là nhóm dân cư có thu nhập thấp), liên kết khu vực gia tăng, mối quan hệ giữa các nước láng giềng ngày càng chặt chẽ. Trong bối cảnh đó, với quốc gia có đặc điểm địa lý đặc thù như Việt Nam, là quốc gia đa dân tộc với đường biên giới trải dài và tập trung chủ yếu tại khu vực miền núi, thì vai trò của việc phát triển kinh tế và thương mại khu vực DTTS&MN ngày càng quan trọng và trở nên bức thiết. Trong khi đó, thương mại lại là lĩnh vực hội nhập chủ yếu của Việt Nam, phát triển thương mại biên giới, tìm kiếm, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm độc đáo của địa phương đang là một trong những định hướng quan trọng trong phát triển thương mại và kinh tế chung của quốc gia. Do vậy, phát triển thương mại và thị trường vùng DTTS&MN cần được quan tâm nhiều hơn, đầu tư lớn hơn để đáp ứng các yêu cầu của bối cảnh, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội mới trong và ngoài nước.

Thị trường và thương mại ở vùng DTTS&MN đến nay vẫn còn chậm phát triển so với mặt bằng chung của cả nước, nơi đây kinh tế tự cung tự cấp còn khá phổ biến. Với vùng DTTS&MN, phát triển thị trường là giải pháp căn bản để người dân có động lực gia tăng sản xuất, tiếp cận các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ từ miền xuôi, tạo thêm việc làm, gia tăng thu nhập, từ đó thay đổi đời sống. Do vậy, trải qua hơn 30 năm, Nhà nước đã có rất nhiều chương trình phát triển và phát triển thị trường vùng DTTS&MN ở Việt Nam. Tuy nhiên, đến nay các thị trường ở vùng DTTS&MN vẫn chưa phát triển đúng mục tiêu đặt ra, đời sống người dân còn nhiều khó khăn, thương mại chưa thể hiện được vai trò và tầm quan trọng trong phát triển kinh tế DTTS&MN, các thị trường tại vùng DTTS&MN đều chưa

phát triển, đặc biệt là thị trường dịch vụ, tài chính, khoa học và công nghệ hầu như chưa có, chênh lệch phát triển thị trường với các khu vực trong cả nước đang kéo giãn với tốc độ ngày càng nhanh.

Phát triển các loại thị trường ở vùng DTTS&MN Việt Nam hiện nay chưa được quan tâm đúng mức. Chính sách phát triển thị trường vùng DTTS&MN hiện nay còn thiếu tính liên kết, tích hợp giữa các ngành, các cấp, còn dàn trải, chông chéo, hiệu quả đầu tư các chính sách thấp; phạm vi áp dụng của chính sách còn hạn chế, cả về không gian, thời gian, đối tượng hưởng lợi và sản phẩm mục tiêu; quá trình thực thi chính sách còn những hạn chế, bất hợp lý, thậm chí còn lãng phí (trong xây dựng và ban hành một số chính sách phát triển thị trường vùng DTTS&MN, mục tiêu đặt ra lớn, nhưng nguồn lực không đủ đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn dẫn đến lãng phí nguồn lực đầu tư).

Chính sách dân tộc ở Việt Nam có tính nhân văn cao, chủ yếu là hỗ trợ cho đồng bào (mặc dù những năm gần đây đã khắc phục yếu tố cho không), nhưng việc quan tâm định hướng, hỗ trợ cho đồng bào làm giàu bằng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thị trường thì chính sách còn có những khoảng trống, lỗ hổng dễ tạo ra tâm lý ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước. Thực chất, trong thời gian qua, một số chính sách phát triển vùng DTTS&MN từ hỗ trợ cho không đã tạo ra tâm lý trông chờ, ỷ lại ở một số bộ phận dân cư không muốn thoát nghèo, muốn ở lại hộ nghèo hoặc muốn được hưởng luân phiên hộ nghèo để hưởng chính sách hỗ trợ. Những chính sách này không còn phù hợp trong bối cảnh nền kinh tế thị trường nước ta hiện nay cũng như trong tương lai, đòi hỏi cần cấp bách tìm ra giải pháp và phương hướng mới cho các chính sách phát triển vùng DTTS&MN.

Từ những lý do trên, cần thiết phải tập trung nghiên cứu sâu về các chính sách phát triển thị trường (hàng hóa, lao động, tài chính, khoa học và công nghệ). Trong đó tập trung vào các thành tố cơ bản của thị trường vùng DTTS&MN, từ năm 1986 đến nay, từ đó đánh giá những thành công và hạn chế của chính sách, xác định những bất hợp lý, khoảng trống trong xây dựng, hoạch định, tổ chức thực hiện chính sách vùng DTTS&MN ở Việt Nam trong thời gian qua; đồng thời, nhận diện đúng những vấn đề cơ bản, cấp bách trong phát triển hợp lý và đồng bộ các loại thị trường vùng DTTS&MN nước ta hiện nay, để xây dựng được hệ thống quan điểm, giải pháp và chính sách có cơ sở khoa học, khả thi và hiệu quả, hướng tới phát triển bền vững ở vùng này. Công việc đó không thể tiến hành chậm trễ, vì trong hàng loạt vấn đề liên quan đến đời sống của đồng bào các DTTS&MN, cùng với đó là một loạt các chính sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các DTTS&MN trong tương lai sẽ được triển khai ngày càng nhiều. Chính vì vậy, chủ đề nghiên cứu của đề tài “Các giải pháp cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN Việt Nam” là rất cần thiết, có ý nghĩa thực tiễn và lý luận sâu sắc.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến chủ đề của đề tài được xem xét và tổng quan theo các nhóm vấn đề từ khái quát đến cụ thể, bao gồm: công trình nghiên cứu về DTTS&MN; nhóm công trình nghiên cứu về chính sách đối với DTTS&MN; các nhóm công trình nghiên cứu về thị trường ở vùng DTTS&MN; và công trình nghiên cứu về phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số ở một số quốc gia (Thái Lan, Trung Quốc và Ba Lan).

Một số nhận xét, đánh giá qua tổng quan công trình nghiên cứu

Từ năm 1986 đến nay, đồng thời với việc đổi mới trong nhận thức, hoạch định, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc, thì các công trình nghiên cứu về chính sách liên quan đến vùng DTTS&MN ở Việt Nam được các tổ chức, cá nhân nhà khoa học trong nước và quốc tế quan tâm tiếp cận trên nhiều bình diện khác nhau. Với nhiều loại hình nghiên cứu (đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hợp tác nghiên cứu trong nước và quốc tế, tổng kết và đánh giá chính sách...), chính sách vùng DTTS&MN đã được tiếp cận trên bình diện vĩ mô và vi mô (từ quan điểm chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước đến các loại hình chính sách theo vùng, theo lĩnh vực, chính sách đặc thù; sự phát triển chính sách trong từng giai đoạn phát triển của đất nước...). Tuy nhiên, các nghiên cứu về chính sách vùng DTTS&MN trong thời gian qua chưa có nghiên cứu nào tập trung một cách toàn diện và sâu sắc về các thị trường chủ yếu (hàng hóa và dịch vụ) mang tính quyết định đến đời sống, phát triển kinh tế - xã hội ở vùng, miền này, đồng thời gắn với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng của nước nhà, cũng như phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.

Những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu đó là nghiên cứu về tạo lập, hoàn thiện và phát triển các thị trường chủ yếu (thị trường hàng hóa, lao động, tài chính, khoa học và công nghệ), theo cách tiếp cận vừa đảm bảo tính cụ thể, đặc thù trong mối quan hệ tổng thể và tương tác lẫn nhau giữa các thị trường ở vùng DTTS&MN theo định hướng và mục tiêu lớn mà Đảng và nhà nước đã đặt ra đối với phát triển KT-XH, an ninh quốc phòng, ổn định xã hội ở vùng, miền này.

Các nghiên cứu về vùng DTTS&MN đều đánh giá cao vai trò quan trọng của việc chuyển đổi mô hình sản xuất, mở rộng thị trường và phát triển thương mại trong phát triển KT-XH vùng DTTS&MN. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu này chưa đánh giá cụ thể thực trạng, điều kiện phát triển và đưa ra những đề xuất, giải pháp mang tính mục tiêu và cụ thể cho phát triển các loại thị trường ở vùng DTTS&MN trên phạm vi cả nước. Trong bối cảnh hội nhập mới, các yếu tố về thị trường sẽ tác động ngày càng lớn đến KT-XH vùng DTTS&MN, nghiên cứu toàn diện, khoa học về các khía cạnh thị trường vùng DTTS&MN sẽ giúp đánh giá thực trạng, kết quả và hạn chế của các chính sách phát triển vùng DTTS&MN ở Việt Nam, từ đó nhận diện đúng và đầy đủ về những vấn đề bất cập về lý luận và thực tiễn trong chính sách suốt 30 năm đổi mới, từ đó cung cấp luận cứ khoa học cho việc đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách phát triển thị trường vùng DTTS&MN của quốc gia trong bối cảnh, tình hình mới trong nước và quốc tế từ nay đến năm 2030.

Các nhóm nghiên cứu trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với quá trình thực hiện đề tài này. Các nghiên cứu đã góp phần cung cấp tư liệu, cách tiếp cận, nội dung, đối tượng, quan điểm nghiên cứu... để đề tài có cái nhìn thực trạng tình hình nghiên cứu chính sách dân tộc, chính sách phát triển, chính sách phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN đã đạt được và những hạn chế cần được khắc phục ở tầm khái quát qua 30 năm đổi mới ở nước ta.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục tiêu chung

- Làm rõ kết quả, hiệu quả, tác động của các chính sách phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta từ năm 1986 đến nay;

- Nhận diện những vấn đề cơ bản, cấp bách trong phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta hiện nay;

- Đề xuất quan điểm, hệ thống các giải pháp, chính sách cơ bản nhằm tiếp tục tạo lập, hoàn thiện và phát triển thị trường đối với vùng DTTS&MN theo hướng bền vững.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển thị trường vùng DTTS&MN Việt Nam, bao gồm: Thị trường hàng hóa; Thị trường lao động; Thị trường tài chính; và Thị trường KH&CN; Xác định khung lý thuyết nghiên cứu phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN;

- Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia về phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, rút ra bài học cho Việt Nam.

- Đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động của chính sách phát triển thị trường (hàng hóa, lao động, tài chính và KH&CN) ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay.

- Nhận diện những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường (hàng hóa, lao động, tài chính và khoa học công nghệ) ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta hiện nay.

- Dự báo nhu cầu phát triển thị trường (hàng hóa, lao động, tài chính, khoa học công nghệ) vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta đến năm 2030.

- Đề xuất quan điểm, giải pháp, chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường (hàng hóa, lao động, tài chính và KH&CN) vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030.

4. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển thị trường (hàng hóa, lao động, tài chính và khoa học công nghệ) ở vùng DTTS&MN.

5. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

*** Phạm vi nghiên cứu về nội dung**

Đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển thị trường và chính sách phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN, cụ thể là các loại thị trường: hàng hóa, lao động, tài chính và khoa học công nghệ. Nhận diện những vấn đề cơ bản, cấp bách trong phát triển các thị trường nói trên ở vùng DTTS&MN nước ta hiện nay.

Đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động của chính sách phát triển thị trường vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta từ năm 1986 đến nay.

Đề xuất quan điểm, định hướng, giải pháp, chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường vùng dân tộc thiểu số và miền núi ở nước ta đến năm 2030.

Đối với thị trường hàng hóa, đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề về thị trường hàng tư liệu sản xuất, vật tư (đầu vào) cho sản xuất nông, lâm nghiệp và hàng tiêu dùng thiết yếu cho bà con ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Đối với thị trường lao động (thực chất là thị trường sức lao động), đề tài tập trung nghiên cứu về cung và cầu lao động trên địa bàn.

Đối với thị trường tài chính, đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề về phát triển các định chế tài chính, tín dụng cùng cơ chế, chính sách tài chính tín dụng, nhu cầu về vốn ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi...

Đối với thị trường khoa học và công nghệ, đề tài tập trung nghiên cứu về công nghệ, khoa học ứng dụng trong sản xuất và đời sống của bà con.

*** Phạm vi nghiên cứu về không gian**

Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển thị trường và chính sách phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN nước ta. Nghiên cứu kinh nghiệm về phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN của một số quốc gia (Trung Quốc, Thái Lan, Ba Lan).

Thực hiện điều tra khảo sát thực tế tại 12 tỉnh, thành trong cả nước, gồm: Lạng Sơn, Lào Cai, Quảng Ninh, Lai Châu, Nghệ An, Quảng Bình; Đắk Lắk; Bình Thuận, Quảng Ngãi; Bình Phước; Sóc Trăng, An Giang.

*** Phạm vi nghiên cứu về thời gian**

Nghiên cứu về thị trường và chính sách phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ vùng dân tộc thiểu số và miền núi ở nước ta từ năm 1986 đến nay;

Dự báo thị trường hàng hóa, lao động, tài chính và khoa học và công nghệ vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta đến năm 2030;

Đề xuất quan điểm, giải pháp, chính sách phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta đến năm 2030.

6. Cách tiếp cận

Trong quá trình nghiên cứu đề tài tiếp cận: Hệ thống; Liên ngành; Tiếp cận điểm; Tiếp cận khoa học về kinh tế; Tiếp cận về luật học; Tiếp cận khoa học về triết học, lịch sử, văn hoá học, dân tộc học, xã hội học và nhân học; Tiếp cận khu vực học; Tiếp cận liên cấp độ; Tiếp cận nội sinh kết hợp ngoại sinh; quyền của người thụ hưởng chính sách

7. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, Đề tài sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu tại bàn và điều tra khảo sát thực tế, kết hợp phân tích đánh giá định tính và định lượng.

Điều tra khảo sát thực tế tại 12 tỉnh, Tổng số phiếu điều tra khảo sát phát ra là 4.643 phiếu, thu về và hợp lệ để sử dụng là 4.040 phiếu phân chia theo các tỉnh (theo dân số DTTS, quy mô của thị trường, trình độ phát triển của thị trường, các ngành nghề sản xuất, kinh doanh và dịch vụ chính trên địa bàn...).

Đối tượng điều tra, khảo sát: Cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Lao động, Thương binh và xã hội, Bộ KH&CN, Bộ Tài chính, UBND, Ban Dân tộc, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Lao động - thương binh và xã hội, Sở Khoa học công nghệ, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Văn hóa...); Doanh nghiệp và HTX (gồm cả doanh nghiệp sản xuất, phân phối, cung ứng dịch vụ... trên địa bàn); Hộ gia đình; Hiệp hội và các Viện nghiên cứu, Trường Đại học.

8. Các nội dung nghiên cứu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài bao gồm 12 nội dung như sau:

Nội dung 1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN

Nội dung 2. Nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển thị trường lao động, tài chính và khoa học và công nghệ ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Nội dung 3. Khung lý thuyết nghiên cứu phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN

Nội dung 4. Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia về phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Nội dung 5. Đánh giá chính sách phát triển thị trường hàng hóa ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta từ năm 1986 đến 2017

Nội dung 6. Đánh giá chính sách phát triển thị trường lao động, tài chính và khoa học và công nghệ ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta từ năm 1986 đến 2017

Nội dung 7. Nhận diện những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường hàng hóa ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta hiện nay

Nội dung 8. Nhận diện những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường lao động, tài chính và khoa học và công nghệ ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta hiện nay

Nội dung 9. Dự báo thị trường hàng hóa ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta đến năm 2030

Nội dung 10. Dự báo thị trường lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta đến năm 2030

Nội dung 11. Quan điểm, định hướng và giải pháp cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS & MN nước ta đến năm 2030

Nội dung 12. Quan điểm, định hướng và giải pháp cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường lao động, tài chính và khoa học và công nghệ ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta đến năm 2030

9. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, 12 nội dung nghiên cứu của đề tài được kết cấu thành 4 chương như sau:

Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Chương 2. Chính sách phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta trong thời kỳ Đổi mới

Chương 3. Tình hình phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta trong thời kỳ Đổi mới

Chương 4. Quan điểm, định hướng, giải pháp cơ bản, cấp bách phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta đến năm 2030

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Chương này tập trung vào nghiên cứu những vấn đề lý luận về phát triển thị trường hàng hóa, lao động, tài chính, khoa học và công nghệ, để xây dựng cơ sở lý luận cho nghiên cứu các chương sau. Bên cạnh đó, tập trung nghiên cứu kinh nghiệm phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN của Thái Lan, Trung Quốc, Ba Lan, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và điều kiện áp dụng cho Việt Nam.

1.1. Một số khái niệm liên quan về phát triển thị trường

1.1.1. Khái niệm liên quan về phát triển thị trường hàng hoá

Đề tài đề cập các khái niệm về thị trường, về phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN, theo đó phát triển thị trường hàng hóa là quá trình đưa thị trường hàng hóa từ thị trường đơn giản, sơ cấp lên thị trường cạnh tranh, phức tạp và hoàn thiện hơn với việc gia tăng về lượng và chất các yếu tố hình thành nên thị trường, bao gồm cung, cầu, sản phẩm, và các yếu tố trung gian thị trường. Ở góc độ quản lý nhà nước, phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN được thực hiện thông qua các chính sách cụ thể nhằm phát triển các thành tố nêu trên. Tuy nhiên, các chính sách thường không có sự phân chia phạm vi, đối tượng hay mục tiêu theo thành tố thị trường, mà thực tế có sự giao thoa chính sách khá rộng. Do vậy, tiếp cận phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN ở góc độ quản lý nhà nước được phân tích đa chiều và toàn diện.

Bên cạnh đó, khái niệm chính sách phát triển thị trường hàng hoá ở vùng DTTS&MN trong phạm vi nghiên cứu của đề tài được hiểu là *hệ thống các quy định, công cụ, biện pháp nhà nước áp dụng để phát triển thị trường hàng hóa tại vùng DTTS&MN trong trong thời kỳ nhất định nhằm đạt được mục tiêu chung về phát triển vùng DTTS&MN*; Phát triển thị trường hàng hoá ở vùng DTTS&MN theo hướng bền vững được xem xét dưới 3 góc độ: Phát triển bền vững về kinh tế; Phát triển bền vững về xã hội; Phát triển bền vững về môi trường.

Đề tài cũng định nghĩa các vấn đề và giải pháp cơ bản, cấp bách trong phát triển thị trường hàng hoá ở vùng DTTS&MN. Đây là những vấn đề tồn tại từ lâu và vẫn đang hiện diện trên thị trường vùng DTTS&MN. Các vấn đề cơ bản và cấp bách không phải là vấn đề mới phát sinh do những hiện tượng bất thường về kinh tế, chính trị hay xã hội, mà đó là những vấn đề, hạn chế có tính cố hữu, do đặc thù kinh tế, xã hội, văn hóa, tập quán của vùng tạo ra.

1.1.2. Khái niệm liên quan về phát triển thị trường lao động, tài chính và khoa học và công nghệ

Khái niệm liên quan về phát triển các thị trường lao động, tài chính, khoa học và công nghệ được trình bày theo kết cấu các nội dung cơ bản sau đây:

- Khái niệm và tiếp cận về thị trường và phát triển thị trường lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN
- Khái niệm về chính sách phát triển thị trường lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN
- Khái niệm về phát triển bền vững thị trường lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN;
- Tiếp cận về vấn đề và giải pháp cơ bản, cấp bách trong phát triển thị trường lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN;

1.2. Đặc điểm thị trường vùng dân tộc thiểu số và miền núi

1.2.1. Đặc điểm thị trường hàng hóa vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Đặc điểm chung là sản xuất hàng hóa chưa phát triển, tập quán sản xuất lạc hậu, thị trường thiếu hụt các yếu tố đầu vào sản xuất, dẫn đến lượng cung ít, chất lượng hàng hóa không đồng đều, cơ cấu hàng hóa đơn giản, tính mùa vụ cao; nhu cầu về hàng hóa cũng ít và đơn giản. Chính vì vậy, hệ thống phân phối hàng hóa vùng DTTS&MN chủ yếu là truyền thống (các chợ, cửa hàng kinh doanh nhỏ), thu hút được rất ít doanh nghiệp tham gia do hiệu quả đầu tư thấp, chi phí cao mà doanh thu không đủ bù đắp. Hệ thống giao thông và hạ tầng thương mại còn khó khăn; các trung gian thị trường chưa tạo lập đầy đủ các điều kiện để kết nối hiệu quả cung, cầu trên thị trường.

Thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN là một bộ phận của thị trường hàng hóa cả nước. Phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN có tính tương hỗ với phát triển thị trường hàng hóa cả nước. Thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN là một phần vùng đệm nối thị trường nội địa với thị trường các quốc gia lân cận.

1.2.2. Đặc điểm thị trường lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Thị trường lao động ở vùng DTTS&MN chưa thực sự phát triển; cung và cầu lao động trên thị trường bất cân bằng. Vị thế của người lao động trong đàm phán trên thị trường lao động thấp vì lao động chủ yếu là phổ thông. Hệ thống thông tin của thị trường lao động không thông suốt. Thị trường lao động mang tính chất thời vụ. Có sự phân biệt giới trong việc làm, trong đó, lao động nam có lợi thế hơn trong tìm kiếm việc làm và thu nhập. Độ tuổi lao động bắt đầu sớm và kéo dài; Lao động phân bố chưa hợp lý và khả năng di chuyển còn hạn chế.

1.2.3. Đặc điểm thị trường tài chính vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Thị trường tài chính vùng DTTS&MN chưa phát triển, còn sơ khai, chênh lệch nhiều về cung và cầu về vốn; kém phát triển so với các khu vực ở đồng bằng, khu vực đô thị. Mức độ tiếp cận và sử dụng các nguồn vốn trên thị trường tài chính còn rất thấp. Nhà đầu tư ở thị trường tài chính vùng DTTS&MN còn thiếu và năng lực còn hạn chế, còn phụ thuộc rất nhiều vào thị trường tín dụng, đặc biệt là tín dụng chính sách. Thu ngân sách và khả năng tự cân đối ngân sách thấp.

1.2.4. Đặc điểm thị trường KH&CN vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Thị trường KH&CN vùng DTTS&MN chịu ảnh hưởng của nhiều chính sách khác nhau, còn rất sơ khai cả về cung và cầu, bất cân xứng về thông tin giữa người

mua và người bán và chi phí giao dịch cao. Cả cung và cầu đều rất nhỏ bé về quy mô, số lượng sản phẩm hàng hóa; chất lượng chưa cao và chênh lệch khá xa so với các vùng, miền khác trong cả nước. Trung gian thị trường cũng chậm phát triển.

1.3. Vai trò và mối quan hệ của các thị trường ở vùng DTTS&MN

Thị trường hàng hóa là thị trường trọng điểm trong hệ thống các thị trường vùng DTTS&MN. Phát triển thị trường hàng hóa thúc đẩy phát triển đa chiều tại vùng DTTS&MN. Trong khi đó, thị trường lao động ở vùng DTTS&MN có vai trò tạo lập đội ngũ lao động đa dạng về sức lực và trí lực, phân phối nó một cách thích ứng với các yêu cầu đa dạng của sản xuất kinh doanh. Thị trường lao động bảo đảm cho sản xuất kinh doanh được tiến hành liên tục, trôi chảy thậm chí ngay cả lúc thời vụ. Thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN góp phần thúc đẩy tích lũy và tập trung tiền vốn để phục vụ cho các nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế vùng DTTS&MN, góp phần thúc đẩy, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính ở vùng DTTS&MN cũng như góp phần thực hiện chính sách tài chính, chính sách tiền tệ của nhà nước ở vùng DTTS & MN. Phát triển KH&CN trong Vùng, sẽ tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế; thúc đẩy liên kết nghiên cứu khoa học với sản xuất; thúc đẩy thực hiện công tác nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho vùng DTTS&MN; từ đó góp phần phát triển mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao trên diện rộng, hình thành được một số vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa, nhiều mô hình gắn trực tiếp với đồng bào DTTS; ổn định xã hội, an ninh quốc phòng tại khu vực.

Các thị trường hàng hóa, lao động, tài chính, KH&CN ở vùng DTTS&MN là bộ phận cấu thành thị trường chung, có mối quan hệ chặt chẽ với các thị trường trong cả nước, nhưng trình độ phát triển và sự vận hành của thị trường còn kém và chậm phát triển hơn so với thị trường ở các vùng miền khác.

1.4. Nhân tố ảnh hưởng đến phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN

Các nhóm nhân tố ảnh hưởng được phân tích theo ma trận PEST và PEST + được tóm lược trong bảng sau:

Nhóm nhân tố	Thị trường hàng hoá	Thị trường lao động	Thị trường tài chính	Thị trường KH&CN
Chính trị	X	X	X	x
Kinh tế	X	X	x	x
Xã hội	X	X	x	x
Công nghệ và khoa học kỹ thuật	X	x	x	X
Khác (thuế, trợ cấp,...)	X	x	X	X
Môi trường	X	x	x	x
Nhân tố khác bên ngoài Vùng	X	X	X	x
Nhân tố khác bên trong Vùng	X	X	X	x

1.5. Nội dung phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

1.5.1. Nội dung phát triển thị trường hàng hoá ở vùng DTTS&MN

- Phát triển các thành tố của thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN: Phát triển cung, cầu và các trung gian thị trường ở vùng DTTS&MN.

- Phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN theo các cấp độ: Phát triển thị trường hàng hóa theo tính chất, theo đặc thù sản phẩm, theo không gian và thời gian.

- Phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN theo hướng bền vững: Phát triển bền vững cung hàng hóa cho thị trường vùng DTTS&MN; Phát triển bền vững cầu hàng hóa; Phát triển bền vững hệ thống phân phối hàng hóa; Ổn định giá cả hàng hóa lưu thông trên thị trường.

1.5.2. Nội dung phát triển thị trường lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN

- Phát triển các thành tố (cung, cầu và trung gian thị trường) của thị trường lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN;

- Phát triển thị trường lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN theo các cấp độ (theo chiều rộng và sâu; số lượng, quy mô và chất lượng);

- Phát triển thị trường lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN theo thời gian (trong ngắn hạn và dài hạn);

- Phát triển thị trường lao động, tài chính và khoa học và công nghệ theo hướng bền vững ở vùng DTTS&MN (phát triển bền vững các thành tố của thị trường và bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường).

1.6. Tiêu chí đánh giá sự phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN

1.6.1. Tiêu chí đánh giá sự phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN

- *Tiêu chí đánh giá phát triển cầu hàng hoá trên thị trường* : Tỷ lệ chi tiêu dành cho mua sắm, tiêu dùng hàng hóa; Tỷ lệ hộ nghèo; Quy mô hàng hóa lưu thông trên thị trường; Tổng mức BLHH&DTDVTD bình quân đầu người

- *Tiêu chí đánh giá phát triển cung hàng hoá trên thị trường*: Số lượng các ngành hàng, mặt hàng được cung ứng trên thị trường; Cơ cấu, mẫu mã, chủng loại của hàng hóa lưu thông trên thị trường: hàng thực phẩm, hàng công nghiệp tiêu dùng, hàng vật tư nông nghiệp...; Chất lượng và giá cả của hàng hóa lưu thông trên thị trường....

- *Tiêu chí đánh giá về hệ thống phân phối trên thị trường*: tiêu chí về khoảng cách trung bình từ nhà đến cơ sở mua bán hàng hóa của bà con; Địa điểm mua bán hàng hóa chủ yếu của bà con đồng bào thông qua mạng lưới chợ, hay cửa hàng tạp hóa, điểm phân phối hàng hóa của doanh nghiệp....

1.6.2. Tiêu chí đánh giá sự phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN

- *Tiêu chí đánh giá phát triển cung lao động trên thị trường*: tiêu chí về giáo dục; tình trạng sức khỏe và dinh dưỡng; thể chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực; hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực.

- *Tiêu chí đánh giá phát triển cầu lao động*: Về lượng cầu lao động được đánh giá thông qua số chỗ làm việc đã được đáp ứng và số chỗ làm việc còn trống.

- *Tiêu chí đánh giá phát triển trung gian của thị trường lao động*: giá cả sức lao động; hệ thống giao dịch và thông tin thị trường lao động;

1.6.3. Tiêu chí đánh giá phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN

Bao gồm các tiêu chí: Tỷ lệ (%) dư nợ tín dụng so với GDP; Tỷ lệ (%) dư nợ huy động tiết kiệm so với GDP; Số chi nhánh ngân hàng thương mại/100.000 người trưởng thành; Tỷ lệ (%) số doanh nghiệp được cấp hạn mức tín dụng; Tỷ lệ (%) hộ gia đình sử dụng các loại hình dịch vụ tài chính; Tính thanh khoản của thị trường; Mức biến động của thị trường; Mức độ tập trung hóa của thị trường; Mức độ hội nhập; Một số tiêu chí khác (theo IFC bao gồm 07 chỉ tiêu đánh giá).

1.6.4. Tiêu chí đánh giá sự phát triển thị trường KH&CN ở vùng DTTS&MN

- Tiêu chí đánh giá quy mô, tốc độ phát triển thị trường KH&CN vùng DTTS&MN

- Tiêu chí đánh giá chất lượng phát triển thị trường KH&CN: Năng lực của các chủ thể; Tính đầy đủ và hiệu quả của thể chế phát triển thị trường KH&CN; Tính đồng bộ trong phát triển các yếu tố cấu thành thị trường KH&CN

1.7. Tiêu chí đánh giá chính sách phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN

Tính phù hợp của chính sách; Tính hiệu lực của chính sách; Tính hiệu quả của chính sách; Tính khả thi của chính sách; Tính công bằng của chính sách; Tính kinh tế.

1.8. Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia về phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN và bài học rút ra

- Kinh nghiệm của Trung Quốc về phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN

Nghiên cứu về kinh nghiệm phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN của Trung Quốc nói chung và Trùng Khánh, Vân Nam nói riêng, cho thấy nhiều điểm chung trong chính sách, bao gồm: (i) Tận dụng tối đa mọi tiềm năng tự nhiên, tài nguyên, khoáng sản của vùng cho phát triển; (ii) Quy hoạch, điều chỉnh ngành nghề phát triển phù hợp; (iii) Nhanh chóng đầu tư vào cơ sở hạ tầng để tạo nền tảng, động lực phát triển. Tuy nhiên, giữa các địa phương có sự khác biệt nhất định. Trùng Khánh chú trọng phát triển bền vững phải quan tâm đến yếu tố sinh thái, bảo vệ môi trường tự nhiên. Trong khi Vân Nam lại chú trọng đến việc giáo dục, nâng cao trình độ dân trí, chất lượng lao động cũng như tích cực mở cửa, tăng cường hiệp thương giao dịch trong và ngoài nước. Đây chính là những mâu chốt quan trọng dẫn đến sự thành công trong phát triển thị trường ở hai địa phương miền núi Trung Quốc.

- Kinh nghiệm của Thái Lan về phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN

Về cơ bản, Thái Lan không có hệ thống chính sách riêng để phát triển kinh tế, xã hội cho các DTTS&MN theo hướng tôn trọng và phát huy quyền của từng nhóm DTTS. Trong các chiến lược, kế hoạch phát triển KT-XH không có mục nào đề cập đến DTTS. Chính sách phát triển kinh tế, phát triển thị trường cho vùng DTTS&MN của Thái Lan gắn chặt chẽ với các mục tiêu chính trị - xã hội, cụ thể hơn là định hướng chính sách dân tộc nhất quán của Thái. Chính sách dân tộc nói chung và chính sách kinh tế nói riêng đều trải qua sàng lọc và định hướng. Mục tiêu của các chính sách đều có xu hướng gắn kết và thúc đẩy hình thành dân tộc Thái thống nhất. Việc áp dụng chính sách như vậy với các tộc người DTTS tại Thái đưa đến nhiều tranh cãi và khuyến nghị từ các nhà nghiên cứu, cho rằng chính phủ cần lưu ý đến vấn đề quyền

công dân cho nhóm người DTTS và tránh nhìn nhận người DTTS vùng cao là người không thuộc Thái Lan.

- Kinh nghiệm của Ba Lan về phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN

Ngày 06/01/2005, Quốc hội Ba Lan thông qua đạo luật về Dân tộc thiểu số và các bộ tộc, trong đó nêu ra *các quyền cơ bản của dân tộc thiểu số và các bộ tộc ở Ba Lan*. Ba Lan không có chính sách riêng cho phát triển thị trường hàng hóa tại các khu vực dân tộc thiểu số, miền núi. Do vậy, phát triển thị trường hàng hóa khu vực DTTS cũng áp dụng những chính sách chung của cả nước. Ngoài ra, khu vực DTTS cũng được hưởng chính sách ưu đãi chung của Chính phủ đối với khu vực nông nghiệp như: Chính sách giá sản phẩm nông nghiệp; Chính sách tài chính nông thôn; Chính sách tư nhân hóa trong nông nghiệp; Chính sách nhằm cải thiện năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực nông – lâm nghiệp của khu vực dân tộc thiểu số và miền núi; Chính sách đầu tư kết cấu hạ tầng - kết nối thị trường Ba Lan và phát triển hệ thống logistics.

Một số bài học kinh nghiệm về phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN và điều kiện áp dụng cho Việt Nam được rút ra, tựu trung là:

+ Phát triển hạ tầng là nền tảng và yếu tố then chốt cho phát triển kinh tế và thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN

+ Phát triển thị trường hàng hóa cần gắn với phát huy lợi thế của các dân tộc vùng DTTS&MN

+ Chính sách phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN cần thực hiện lồng ghép với các chính sách dân tộc khác

+ Phát triển thị trường cần đi đôi với tôn trọng các giá trị văn hóa nền tảng của đồng bào vùng DTTS&MN

+ Phát huy vai trò của kinh tế tư nhân, vai trò của cộng đồng trong phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN

+ Gắn kết chặt chẽ giữa nhà nước, địa phương và doanh nghiệp trong phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN

+ Chính sách thu hút đầu tư FDI vào vùng DTTS&MN

+ Phát triển hạ tầng - kết nối thị trường

+ Bài học cho các doanh nghiệp và địa phương trong phát triển kinh tế tại vùng DTTS&MN

+ Bài học về phát triển nguồn nhân lực ở vùng DTTS&MN

CHƯƠNG 2

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NƯỚC TA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

2.1. Tổng quan chính sách phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta thời kỳ từ năm 1986 đến nay

Nội dung của chính sách dân tộc trong thời kỳ đổi mới của Đảng và Nhà nước ta tập trung vào các nội dung cơ bản gồm: Chính sách về phát triển kinh tế vùng các dân tộc thiểu số; Chính sách xã hội tập trung vào các vấn đề giáo dục, đào tạo; văn hóa; y tế...; Chính sách liên quan đến quốc phòng, an ninh.

Từ khi thực hiện Đổi mới cho đến nay, đã có rất nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm hỗ trợ phát triển KT-XH và các lĩnh vực khác đối với đồng bào DTTS&MN, với khoảng 118 chính sách, trong đó có 54 chính sách trực tiếp và 64 chính sách gián tiếp do 10 Bộ, ngành quản lý, chủ trì chỉ đạo. Riêng trong ba năm gần đây (2016 - 2018), Chính phủ đã ban hành 41 chính sách, trong đó có 15 chính sách trực tiếp cho vùng DTTS&MN và 26 chính sách chung gián tiếp cho đồng bào DTTS.

Đề tài tập trung phân tích các chính sách phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta qua các giai đoạn: từ 1986 đến 1995; từ 1996 đến 2007; và từ 2008 đến nay. Các chính sách này ngày càng đi vào thực tiễn, một số chính sách tiêu biểu có tác động trực tiếp và gián tiếp đến phát triển của thị trường hiện nay như sau:

- Chính sách phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.
- Chính sách phát triển thương mại ở vùng DTTS & MN
- Chính sách nhằm phát triển các khu kinh tế cửa khẩu
- Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho đồng bào ở vùng DTTS&MN
- Chính sách trợ giá, trợ cước vận chuyển cho đồng bào ở vùng DTTS&MN
- Chính sách đối với các dân tộc thiểu số rất ít người

2.2. Đánh giá chính sách phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay

Trong giai đoạn này, qua đánh giá các chính sách phát triển thị trường hàng hóa cho thấy kết quả đạt được khá toàn diện trên các mặt: về chủ thể ban hành chính sách; về số lượng chính sách được ban hành;... về hình thức hỗ trợ của chính sách; về phạm vi của chính sách; về chính sách đặc thù đối với một số nhóm dân tộc thiểu số cụ thể; về vai trò của chính sách; về nội dung của chính sách; về mức độ hoàn thành mục tiêu của chính sách; về hiệu quả kinh tế - xã hội của chính sách. Tuy nhiên, một hạn chế cần lưu ý là một số chính sách chưa thực sự phù hợp với điều kiện thực tế tại một số địa phương vùng DTTS&MN trong quá trình triển khai thực hiện. Đề tài cũng đã đánh giá hiệu quả, tác động của các chính sách trong thời kỳ này. Từ đó, nhóm nghiên cứu chỉ ra các vấn đề đặt ra đối với tiếp tục hoàn thiện chính sách phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN trong thời gian tới, như:

- Mục tiêu đề ra của các chính sách đã được ban hành thời gian qua, hầu hết chỉ là định tính, chưa đề cập đến các chỉ tiêu định lượng nên khó khăn cho việc đánh giá mức độ hoàn thành của chính sách.

- Cùng với hoạch định và triển khai thực hiện chính sách, công tác đánh giá chính sách là một khâu không thể thiếu của quy trình chính sách.

- Các chính sách phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN còn dàn trải nên thiếu nguồn lực để thực hiện; một số chính sách còn chồng chéo, thiếu tính đồng bộ giữa các chính sách ban hành trước và sau.

2.3. Tổng quan chính sách phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN nước ta thời kỳ từ năm 1986 đến nay

Đề tài tổng quan các nhóm chính sách liên quan đến cung cũng như cầu lao động, cũng như trung gian của thị trường (chính sách liên quan đến nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe, chính sách giáo dục-đào tạo nguồn nhân lực cho vùng DTTS&MN, chính sách đào tạo nghề cho người DTTS&MN, chính sách thu hút nhân lực làm việc tại vùng DTTS&MN).

2.4. Đánh giá chính sách phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay

Chính sách nhằm phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN đã đạt được một số kết quả, tạo ra hiệu quả và tác động nhất định, tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế, có thể kể đến các điểm hạn chế đó là:

- Trong xây dựng và triển khai chính sách pháp luật về dân tộc còn thiếu quy định về quy trình xây dựng chính sách;

- Còn thiếu chính sách cụ thể về phát triển bền vững thị trường ở vùng đồng bào DTTS;

- Nhiều nội dung chính sách dân tộc còn có sự chồng chéo, chưa sát hợp với thực tiễn hoặc thiếu nguồn lực thực thi, làm hạn chế hiệu quả của chính sách;

- Công tác kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện chính sách dân tộc chưa được thực hiện thường xuyên; việc rà soát xây dựng, chỉnh sửa, hoàn thiện một số đề án, chính sách dân tộc còn chậm, chất lượng còn hạn chế.

2.5. Tổng quan chính sách phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta thời kỳ từ năm 1986 đến nay

Các nhóm chính sách được đề cập bao gồm:

- Chính sách đầu tư tài chính cho vùng DTTS&MN

- Chính sách tín dụng an sinh xã hội

- Chính sách tín dụng vi mô

- Chính sách hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người DTTS&MN, vùng đặc biệt khó khăn

- Chính sách tài chính chủ yếu liên quan khác

2.6. Đánh giá chính sách phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay

Chính sách phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN đã đem lại những kết quả tích cực, đem lại hiệu quả, tác động về kinh tế; tác động về xã hội; tác động về

môi trường; tác động về tính công bằng của chính sách phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN. Tuy nhiên, hạn chế của chính sách phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta thời kỳ từ năm 1986 đến nay phải kể đến là:

- Khả năng về nguồn lực thực hiện chính sách còn yếu;
- NHCSXH còn khó khăn trong đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ tài chính;
- Công tác tuyên truyền của NHCSXH để nâng cao nhận thức của người dân về tài chính toàn diện cũng gặp không ít khó khăn;
- Chất lượng tín dụng chính sách chưa đồng đều, tại một số vùng, địa phương tỷ lệ nợ quá hạn còn cao;
- Lãi suất cho vay thấp tạo ra các hiệu ứng bất cập trên thị trường tài chính;
- Việc bố trí nguồn vốn chưa kịp thời để bảo đảm chủ động thực hiện các chương trình tín dụng theo kế hoạch được duyệt;
- Hoạt động tín dụng chính sách mới chỉ dừng lại ở mức triển khai đối với một số đối tượng chính sách cụ thể, chưa có chính sách tín dụng đặc thù dành riêng cho đồng bào DTTS&MN nói chung;
- Chính sách đang áp dụng chung cho tất cả các vùng, miền là chưa phù hợp;
- Chính sách tín dụng chưa có chính sách đột phá về thời hạn cho vay (thời hạn cho vay ngắn, chỉ tối đa là 5 năm) và mức cho vay;
- Hiệu quả phối hợp giữa các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ của các tổ chức Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội với hoạt động tín dụng chính sách của NHCSXH chưa cao;
- Một số yếu tố chưa tương xứng với sự phát triển chung của thị trường; Còn thiếu các cơ chế đồng bộ và hiệu quả trong huy động nguồn lực để phát triển thị trường tài chính vùng DTTS&MN.

Nguyên nhân của những hạn chế: Cải cách thể chế tài chính còn chậm; Nhiều chủ trương, định hướng cải cách trong các nghị quyết của Đảng về chính sách tài chính đã không được triển khai thực hiện hiệu quả; Bội chi ngân sách cao và liên tục, thách thức tính bền vững của ngân sách và khả năng ứng vốn cho các chính sách tài chính vùng DTTS&MN; Chưa động viên được mọi nguồn vốn và mọi tiềm năng phát triển thị trường tài chính vùng DTTS&MN; Việc ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để bổ sung nguồn vốn cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác còn nhiều hạn chế; Chưa triển khai mạnh chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Người dân vùng DTTS&MN thiếu lòng tin và chưa đủ năng lực tham gia vào thị trường tài chính; Trình độ dân trí và tác động tâm lý của những đối tượng thực thi chính sách; Công tác tuyên truyền, chủ động phối hợp với các cơ quan truyền thông và chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức chính trị xã hội thực hiện các chương trình truyền thông chưa mạnh mẽ, toàn diện.

2.7. Tổng quan chính sách phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta thời kỳ từ năm 1986 đến nay

Chính sách liên quan đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta được đề cập theo các giai đoạn, tập trung vào các nhóm chính

sách phát triển khoa học, công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ thuộc các chương trình, chiến lược, bộ luật, quy hoạch, nghiên cứu khoa học... về KH&CN cũng như ứng dụng và chuyển giao KH&CN, tương ứng với các mốc lịch sử phát triển kinh tế của Việt Nam: 1986-1995, 1996-2007, giai đoạn 2008 đến nay.

2.8. Đánh giá chính sách phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay

Các chính sách phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta thời kỳ từ năm 1986 đến nay đã đạt được những kết quả nhất định, đạt được hiệu quả và tác động về kinh tế; về xã hội; về môi trường; về tính công bằng.

Những hạn chế của chính sách phát triển thị trường KH&CN ở vùng DTTS&MN:

- Về cơ bản, môi trường pháp lý cho thị trường KH&CN hiện nay chưa thực sự đầy đủ và đáp ứng được mong muốn của các bên tham gia vào thị trường KH&CN, sự kết nối giữa các nhà khoa học của Viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp KH&CN với cộng đồng doanh nghiệp còn hạn chế;

- Thiếu các tổ chức trung gian cung cấp các dịch vụ kết nối, hỗ trợ bên cung, bên cầu và các bên khác trong các giao dịch liên quan đến công nghệ, tài sản trí tuệ;

- Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật còn nhiều vấn đề tồn tại;

- Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước dành cho các chương trình, dự án còn hạn hẹp nên chưa đáp ứng được nhu cầu;

- Cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ đã từng bước được đổi mới nhưng chưa phát huy hiệu quả, công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển KH&CN chưa gắn với yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội vùng DTTS&MN;

- Nguồn nhân lực/lao động KH&CN còn bất cập và thiếu về trình độ, năng lực để tiếp nhận, nhân rộng kết quả dự án của người dân vùng DTTS&MN;

- Công tác truyền thông cho các mô hình ứng dụng chuyển giao KH&CN chưa đạt được hiệu quả tại các địa phương, chưa hỗ trợ mạnh mẽ cho sự lan tỏa của mô hình ứng dụng công nghệ sau khi dự án kết thúc;

- Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN nói chung và thị trường KH&CN vùng DTTS&MN nói riêng còn thiếu khoa học, ít thiết thực.

Nguyên nhân của những hạn chế: Môi trường kinh doanh ở Việt Nam chưa khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN, nâng cao sức cạnh tranh của công nghệ bằng sử dụng công nghệ; Thị trường KH&CN vùng DTTS&MN còn thiếu các hướng ưu tiên phù hợp; Thiếu cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia đồng bộ về KH&CN vùng DTTS&MN và đổi mới sáng tạo; Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông chưa được xây dựng đầy đủ và đáp ứng được yêu cầu, gây hạn chế khả năng tiếp cận, truy cập và khai thác thông tin của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; người dân rất khó thay đổi thói quen sản xuất cũ với việc tiếp nhận quy trình công nghệ mới.

CHƯƠNG 3

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NƯỚC TA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

3.1. Tình hình phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, tình hình phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN được đánh giá theo kết quả đánh giá thị trường hàng hóa của 16 tỉnh: Cao Bằng, Hà Giang, Bắc Kan, Sơn La, Lai Châu, Lạng Sơn, Điện Biên, Hòa Bình, Lào Cai, Tuyên Quang, Yên Bái, Kon Tum, Gia Lai, Sóc Trăng, Đắk Lắk, Trà Vinh. Vì, 16 tỉnh này đều có tỷ lệ dân số DTTS đông, chiếm từ 32 - 93% dân số toàn tỉnh. Đồng thời, tổng dân số DTTS của 16 tỉnh hiện chiếm gần 62% tổng dân số DTTS của cả nước. Do vậy, sự phát triển của thị trường hàng hóa tại 16 tỉnh về cơ bản phản ánh sự phát triển chung của thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN cả nước.

Phần này trình bày thực trạng phát triển thị trường hàng hóa ở nước ta và của thị trường vùng DTTS&MN từ năm 1986 đến 1995, từ năm 1996 đến 2005 và từ năm 2006 đến nay. Ở giai đoạn từ 2006 đến nay, có thể thấy tình hình phát triển cầu và cung hàng hóa vùng DTTS&MN vẫn còn rất nhỏ, sức mua dân cư vùng DTTS&MN yếu, nguồn cung hàng hóa chủ yếu là tại chỗ. Hệ thống phân phối hàng hóa ở vùng DTTS&MN đơn giản, theo đó người sản xuất tiêu thụ tại chỗ cho người tiêu dùng, hoặc mang hàng đến tiêu thụ tại chợ (đối với các loại rau quả, thực phẩm...) hoặc bán cho các đầu mối thu gom, đầu mối thu gom tiêu thụ tại chợ trung tâm huyện, chợ trung tâm tỉnh; hoặc bán cho các nhà máy chế biến (như đối với sản phẩm ngô, sắn...). Các đại lý bán trực tiếp đến tay người tiêu dùng, như đối với gạo và các loại đặc sản của địa phương (Nếp Tú Lệ, Gạo Sẻng Cù, Ót Mường Khương...). Người sản xuất bán cho thương lái, người thu gom, hoặc HTX. Các đối tượng này bán cho doanh nghiệp chế biến, hoặc bán cho các DNXX (trường hợp các loại thảo dược, thảo quả, quế, hồi, cà phê, tiêu...), hoặc xuất khẩu. Đối với các loại hàng hóa khác, đặc biệt là hàng tiêu dùng thiết yếu, hàng công nghiệp tiêu dùng..., kênh phân phối hàng hóa chủ yếu bao gồm: chợ, cửa hàng tạp hóa, siêu thị, các hội chợ và chương trình xúc tiến thương mại.

3.2. Đánh giá vai trò của các chủ thể trong phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN

Các chủ thể chủ yếu trong phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN được đề cập trong đề tài bao gồm, cơ quan quản lý nhà nước; doanh nghiệp; các tổ chức phi chính phủ và hiệp hội và bà con DTTS.

3.3. Đánh giá chung về tình hình phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay

Bên cạnh những thành tựu đạt được, phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN còn có những bất cập dưới đây:

- Sau hơn 30 năm thực hiện công cuộc Đổi mới, đến nay thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN vẫn còn khoảng cách khá lớn cả về quy mô và trình độ phát triển

của thị trường ở cả phía cung, phía cầu và các trung gian thị trường so với mức bình quân chung của cả nước.

- Phát triển không đồng đều về thị trường hàng hóa của vùng DTTS&MN giữa các vùng, miền ở nước ta, cũng như giữa các nhóm DTTS.

- Thị trường hàng hóa chưa thực sự đóng vai trò thúc đẩy sự phát triển của thị trường lao động, thị trường tài chính và thị trường KH&CN vùng DTTS&MN.

- Vùng DTTS&MN ở nước ta cơ bản đã có thị trường hàng hóa nhưng chưa đầy đủ và chậm phát triển về các thành tố của thị trường, cả về phía cung, cầu và trung gian thị trường.

3.4. Tổng quan tình hình phát triển thị trường lao động, tài chính và khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay

Bảng 1. Đánh giá về sự phát triển của thị trường lao động ở vùng DTTS&MN thời kỳ từ 1986-2018

Đơn vị tính: %

TT	Chủ thể	Đánh giá (%)				
		TT lao động Không phát triển	TT lao động Phát triển chậm	TT lao động Phát triển bình thường	TT lao động Phát triển nhanh	TT lao động Phát triển rất nhanh
1	Doanh nghiệp SX, KD	10,14	31,08	50	8,78	0
2	CSSXKD	0	76,19	19,05	4,76	0
3	Chuyên gia, cán bộ QLNN	0	45,45	43,43	9,09	0

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của đề tài

Các kết quả tương tự cũng thể hiện trong nhiều nghiên cứu, báo cáo khác, cho thấy thị trường lao động vùng DTTS&MN đã cơ bản hình thành nhưng ở cấp độ thấp.

Đối với thị trường tài chính, mức độ tiết kiệm của hộ gia đình DTTS&MN thấp, các hộ gia đình DTTS&MN chưa có nguồn thu nhập ổn định, đã có các nguồn cung cấp tín dụng chính thức hoặc phi chính thức tại vùng DTTS&MN; khả năng tiếp cận và mức độ tiếp cận vốn của các hộ gia đình vùng DTTS&MN không cao; và hiệu quả sử dụng vốn vay hạn chế.

Về tình hình phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN, cả cung lẫn cầu hầu như chưa hình thành.

3.5. Đánh giá vai trò của các chủ thể trong phát triển thị trường lao động, tài chính và khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN

Các chủ thể chủ yếu trong phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN: cơ quan quản lý nhà nước; doanh nghiệp; các tổ chức phi chính phủ và hiệp hội) trong phát triển thị trường lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN và cư dân vùng DTTS&MN.

3.6. Đánh giá chung về tình hình phát triển thị trường lao động, tài chính và KH&CN ở vùng DTTS&MN nước ta từ năm 1986 đến nay

* *Phát triển thị trường lao động* đã đạt được những thành tựu không thể phủ nhận, nhưng bên cạnh đó vẫn còn những bất cập, đó là:

- Thị trường lao động chưa phát triển;
- Thị trường sức lao động vùng DTTS&MN vẫn mất cân đối quá lớn về quan hệ cung cầu;
- Sự thiếu ổn định trong quan hệ cung cầu trên thị trường sức lao động đang là nhân tố làm cho thị trường này hoạt động kém hiệu quả.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trong phát triển thị trường lao động: Môi trường pháp lý chưa hoàn thiện; Quyền lợi của người lao động không được đảm bảo trong nhiều trường hợp; Quyền lực và trách nhiệm của người sử dụng lao động cũng chưa được xác định thật sự rõ ràng và không được thực hiện một cách đầy đủ; Nhận thức của cả 2 phía (người lao động và người sử dụng lao động) về pháp luật liên quan đến lao động và sử dụng lao động còn hạn chế; Thiếu thông tin về cung và cầu lao động; Trình độ, năng lực, chất lượng lao động chưa đáp ứng nhu cầu thị trường;

* *Những hạn chế trong phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN*

- Cơ sở hạ tầng tài chính còn tồn tại một số bất cập, chưa hỗ trợ hiệu quả cho sự an toàn và lành mạnh của các trung gian tài chính;
- Thị trường tài chính chủ yếu là hoạt động tín dụng chính sách;
- Thị trường tín dụng phát triển thiếu tính ổn định;
- Nhà đầu tư trên thị trường chưa chuyên nghiệp;
- Nền kinh tế vùng DTTS&MN có xuất phát điểm thấp và chậm phát triển;
- Hoạt động tài chính vi mô vẫn chưa được quan tâm nắm bắt đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động của các chương trình, dự án tài chính vi mô.

Nguyên nhân của hạn chế trong phát triển thị trường tài chính: Hệ thống pháp luật, chính sách cho phát triển thị trường tài chính chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ, chưa tạo môi trường và động lực cho phát triển thị trường này; Công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ, quy định của NHCSXH ở một số nơi còn chưa kịp thời; Việc giải ngân một số dự án ODA còn chậm, đối tượng vay khó tiếp cận nguồn vốn dự án; Tỷ lệ người nghèo, hộ gia đình có thu nhập thấp khá cao nên nhu cầu vay vốn ngày càng lớn.

* *Những hạn chế trong phát triển thị trường khoa học và công nghệ*

- Phát triển thị trường KH&CN còn khó khăn; việc áp dụng khoa học – kỹ thuật trong nhiều ngành nghề vẫn còn hạn chế;
- Giá trị và lượng hàng hóa KH&CN được giao dịch ở vùng DTTS&MN nước ta hiện nay chưa nhiều;
- Cung trực tiếp sản phẩm KH&CN tại thị trường rất ít, hầu như chưa có DN KH&CN đúng nghĩa;
- Tổ chức trung gian thị trường KH&CN hầu như chưa có;

- Các địa phương, các cấp, các ngành chưa thực sự chủ động quan tâm đến phát triển khoa học và công nghệ của ngành và địa phương mình.

Nguyên nhân của những hạn chế: thị trường KH&CN ở nước ta vẫn ở trình độ thấp, các yếu tố cấu thành thị trường chưa phát triển đồng bộ; Do cơ chế phân công, phân cấp hiện hành trong quản lý nhà nước về phát triển KH&CN còn tạo ra hướng suy nghĩ nhiệm vụ phát triển KH&CN là chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ mà không phải là nhiệm vụ của các bộ, ngành và địa phương; Không phát sinh nhu cầu ứng dụng KH&CN hay nghiên cứu phát triển để hình thành sản phẩm hàng hóa cho thị trường KH&CN; Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong lĩnh vực KH&CN và ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa chặt chẽ và đồng bộ. Liên kết 4 nhà còn gặp nhiều khó khăn.

CHƯƠNG 4

QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP CƠ BẢN, CẤP BÁCH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NƯỚC TA ĐẾN NĂM 2030

4.1. Bối cảnh mới tác động đến phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN nước ta

Đề tài phân tích bối cảnh mới của thế giới và khu vực, cũng như trong nước tác động đến phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN nước ta trong thời gian đến năm 2030.

4.2. Dự báo thị trường ở vùng DTTS&MN ở nước ta đến năm 2030

Đề tài tiến hành nghiên cứu dự báo và chọn lọc, tổng hợp một số kết quả dự báo về tình hình phát triển thị trường hàng hoá, lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta, tập trung ở những thành tố chủ yếu của thị trường (cung, cầu và trung gian thị trường). Tựu trung lại, cung và cầu về hàng hoá và dịch vụ đều có xu hướng gia tăng cả về quy mô, chủng loại và chất lượng, tuy nhiên mức độ tăng không đồng đều ở các nhóm dân cư và chủng loại hàng hoá. Các trung gian thị trường cũng được hoàn thiện và nâng cấp hướng tới đảm bảo sự vận hành của cả cung và cầu; cũng như kết nối cung - cầu trên thị trường.

Tuy nhiên, trình độ và mức độ phát triển của các thành tố thị trường ở vùng DTTS&MN vẫn còn khoảng cách so với các vùng miền khác, nhiều phân khúc thị trường các thành tố thị trường chưa thực sự vận hành theo các quy luật của kinh tế thị trường.

4.3. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường ở vùng DTTS&MN

4.3.1. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN

4.3.1.1. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về cầu hàng hoá trên thị trường

- Cầu hàng hoá trên thị trường vùng DTTS&MN còn nhỏ về quy mô và yếu về sức cầu.

- Cầu của thị trường vùng DTTS&MN chưa phát triển do còn dựa trên sản xuất nông nghiệp của vùng và thu nhập còn rất thấp của cư dân.

- Cầu hàng hoá trên thị trường vùng DTTS&MN còn nghèo và thiếu đa dạng về chủng loại hàng hoá.

- Cầu hàng hoá trên thị trường vùng DTTS&MN còn ở khoảng cách xa so với cầu của các vùng khác trong cả nước, cũng như giữa các nhóm dân tộc và giữa dân tộc ở các vùng, miền khác nhau trên địa bàn cả nước; giữa nhóm dân tộc có dân số đông với nhóm dân tộc thiểu số ít người...

4.3.1.2. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về cung hàng hoá trên thị trường

- Chưa phát triển các vùng trọng điểm sản xuất hàng hóa, thiếu vắng các chuỗi ngành hàng chiến lược trước hết phục vụ thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu, trọng tâm là sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp.

- Thiếu các điều kiện để người DTTS tham gia cung cấp dịch vụ công ích (trồng rừng, bảo vệ môi trường, quốc phòng) phù hợp với đặc điểm của điều kiện tự nhiên và dân tộc của từng vùng.

- Sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu còn thấp và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mới, do trình độ nhận thức, chuyên môn, thể trạng con người, năng lực phát triển sinh kế.

- Chưa thu hút mạnh mẽ sự tham gia của các doanh nghiệp trong sản xuất, phát triển các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với đồng bào dân tộc thiểu số, để phục vụ cung ứng hàng hoá cho thị trường.

- Các mô hình kinh tế tập thể và HTX chưa phát huy vai trò hỗ trợ và dẫn dắt sản xuất để liên kết các hộ đồng bào trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Chưa thu hút và phát triển được lực lượng doanh nghiệp tham gia cung ứng hàng hóa trên thị trường. Thiếu động lực và khuyến khích phát triển thương nhân hoạt động thương mại tại khu vực DTTS&MN, vùng sâu, vùng xa

- Hạ tầng thương mại vùng DTTS&MN còn nghèo, lạc hậu, chậm phát triển, hạn chế vai trò kết nối cung cầu trên thị trường.

- Nhiều bất cập và khó khăn trong thương mại biên giới và kinh tế cửa khẩu để thúc đẩy các hoạt động trao đổi hàng hóa quốc tế, từ đó tác động trở lại đến nguồn cung hàng hóa thông qua nhập khẩu và trao đổi cư dân biên giới.

- Khâu phân phối hàng Việt Nam phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng tại miền núi, vùng sâu, vùng xa chưa thực sự lan toả đến với bà con và người có nhu cầu. Chưa xây dựng và phát triển các mô hình phân phối đặc thù tại vùng DTTS&MN.

- Thiếu về số lượng và yếu về chất lượng các dịch vụ phát triển thương mại vùng DTTS&MN, vùng sâu, vùng xa.

4.3.1.3. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về trung gian thị trường hàng hóa

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu ở vùng đồng bào DTTS, nhất là hạ tầng giao thông ở vùng cao, vùng biên giới đặc biệt khó khăn chưa được hoàn thiện và còn chậm phát triển.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu ở các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi cần được đầu tư và phát triển.

- Hệ thống phân phối, trung gian thị trường để kết nối cung cầu hàng hóa vùng DTTS&MN, đặc biệt là phát triển hệ thống thông tin thị trường để sản xuất đáp ứng với nhu cầu thị trường, còn mang tính tự phát, nhỏ lẻ.

- Hạ tầng thương mại vùng DTTS&MN cần được nâng cấp, cải tạo và xây mới hạ tầng thương mại truyền thống (chủ yếu là mạng lưới chợ).

- Thu hút lực lượng doanh nghiệp tham gia phân phối hàng hóa.

- Chính sách phát triển kênh phân phối hàng hóa vùng DTTS&MN cần gắn với đặc điểm của từng khu vực thị trường, từng vùng miền, đặc điểm của từng nhóm dân tộc để đảm bảo hiệu quả, khả thi.

4.3.2. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường lao động ở vùng DTTS&MN nước ta

- Hệ thống quản lý lao động và việc làm ở Việt Nam nói chung và vùng DTTS&MN nói riêng đang ở trong giai đoạn biến đổi sâu sắc;
- Luật Lao động và các văn bản pháp lý khác thể hiện vai trò can thiệp tích cực của Nhà nước để đảm bảo hiệu quả hoạt động của thị trường lao động nói chung và thị trường lao động ở vùng DTTS&MN chưa đầy đủ hoặc chưa có;
- Cơ sở hạ tầng xã hội và cơ sở hạ tầng của thị trường lao động chưa tương thích với cơ chế thị trường;
- Chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm gắn với phát triển nguồn nhân lực ở vùng DTTS&MN còn ít và chưa đầy đủ;
- Mất cân đối, bất cập trong cơ cấu lao động ở vùng DTTS&MN;
- Chuyển dịch cơ cấu việc làm vùng DTTS & MN chậm, tình trạng thiếu việc làm trong thanh niên tăng;
- Hệ thống dịch vụ giới thiệu việc làm ở vùng DTTS&MN phân bố chưa rộng khắp, chưa có cấu trúc tổ chức rõ ràng, chưa đảm bảo trang bị vật chất cần thiết, đội ngũ cán bộ không đồng bộ;
- Hệ thống thông tin về thị trường lao động ở vùng DTTS&MN chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, chưa cập nhật;
- Chất lượng và trình độ lao động ở vùng DTTS&MN còn thấp;
- Ít việc làm phù hợp với lao động ở vùng DTTS&MN;
- Chất lượng lao động ở vùng DTTS&MN còn thấp.

4.3.3. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta

- Vùng DTTS&MN chưa đủ được các điều kiện để hình thành và phát triển thị trường tài chính;
- Thị trường tài chính vùng DTTS&MN chưa phát triển đồng bộ về cơ cấu, chưa đồng đều về trình độ giữa các thành tố của thị trường;
- Quy mô, cơ cấu hàng hóa trên thị trường tài chính còn nhỏ, không phong phú đa dạng và yếu;
- Thị trường tài chính hoạt động chưa mang tính thị trường cao và chưa đồng bộ, gắn kết với các thị trường khác trong nền kinh tế;
- Khả năng tiếp cận các kênh huy động vốn từ thị trường tài chính của vùng DTTS&MN còn hạn chế.

4.3.4. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta

- Chuyển giao công nghệ từ tổ chức nghiên cứu đến các DN ở vùng DTTS&MN còn rất ít và chậm;
- Kết nối giữa nhà khoa học, viện trường; tổ chức trung gian và doanh nghiệp tại khu vực DTTS&MN còn hạn chế;

- Khoảng cách lớn giữa nghiên cứu và nhu cầu của các DN tại vùng DTTS&MN;
- Chưa có tổ chức trung gian đủ mạnh để cung cấp dịch vụ kết nối trong giao dịch công nghệ, tài sản trí tuệ;
- Trình độ và năng lực của doanh nghiệp SXKD tại vùng DTTS&MN trong R&D, áp dụng, chuyển giao KH&CN còn nhiều hạn chế;
- Nhu cầu của doanh nghiệp SXKD tại vùng DTTS&MN trong nghiên cứu, phát triển, áp dụng, chuyển giao KH&CN chưa trở thành cấp thiết;
- Tiềm lực tài chính rất hạn hẹp để mua và nhận chuyển giao KH&CN vùng DTTS&MN;
- Thương mại hóa, chuyển giao kết quả nghiên cứu còn hạn chế;
- Thiếu chính sách hỗ trợ của nhà nước trong phát triển thị trường KH&CN nói chung và ở vùng DTTS&MN nói riêng;

4.4. Quan điểm phát triển các thị trường ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

4.4.1. Quan điểm phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

- Phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN đảm bảo theo quy luật kinh tế thị trường, đảm bảo cân đối cung cầu;
- Phát triển thị trường hàng hóa ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên cơ sở gắn phát triển thị trường của vùng với liên kết vùng;
- Phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh của vùng và gắn với hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam;
- Phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN theo hướng bền vững và công bằng, đảm bảo lợi ích cho các thành phần yếu thế và ít cơ hội để phát triển;
- Phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN trên cơ sở hài hòa với phát triển văn hóa - xã hội, đồng thời, phát huy được bản sắc văn hóa, đặc trưng của người DTTS;
- Phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN làm động lực để phát triển các loại thị trường khác, bao gồm thị trường lao động, thị trường tài chính, thị trường khoa học công nghệ...

4.4.2. Quan điểm phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

- Đồng bào DTTS là các công dân Việt Nam, được hưởng quyền của “mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật”, được hưởng đầy đủ các quyền theo luật định;
- Thị trường lao động ở vùng DTTS&MN phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường, hoạt động tuân thủ các quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường, có sự điều tiết và định hướng của Nhà nước;
- Phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN phải đáp ứng mục tiêu tăng trưởng bền vững, hỗ trợ tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và phát triển con người;

- Phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN phải hướng vào khai thác khả năng tiềm tàng nguồn nhân lực dồi dào, tạo môi trường để người lao động tất cả các khu vực kinh tế có thể tham gia vào thị trường một cách bình đẳng;

- Phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN trên cơ sở tuân thủ các qui định pháp luật, tham gia vào thị trường lao động ở vùng DTTS&MN người lao động được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, nâng cao tiền lương (tiền công), người lao động được làm việc trong môi trường lao động cải thiện, đảm bảo các chế độ bảo hiểm xã hội;

- Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho thị trường lao động vận hành, quan hệ cung cầu lao động phát triển lành mạnh, đồng thời tạo cơ hội cho lao động yếu thế có thể tham gia vào thị trường lao động;

- Phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN phải đảm bảo thống nhất, thông suốt của thị trường lao động trên toàn quốc và liên thông với thị trường quốc tế.

4.4.3. Quan điểm phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

- Phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN đảm bảo theo quy luật kinh tế thị trường, đồng thời gắn với đặc thù riêng có của Vùng;

- Gắn phát triển thị trường tài chính ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi với liên kết vùng, trong cả nước và quốc tế;

- Gắn phát triển thị trường tài chính ở vùng dân tộc với hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế của Việt Nam, trên cơ sở phát huy những vận hội mới từ trong và ngoài nước đem lại cho Vùng, miền;

- Phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN phải gắn với đảm bảo lợi ích cho các thành phần yếu thế và ít cơ hội để phát triển; gắn phát triển thị trường tài chính ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi với hài hòa phát triển văn hóa – xã hội;

- Quan điểm gắn phát triển thị trường tài chính ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi với đảm bảo lợi ích cho các thành phần yếu thế và ít cơ hội để phát triển;

- Phát triển thị trường tài chính ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi phát huy được bản sắc văn hóa, đặc trưng của người dân tộc thiểu số; theo hướng bền vững và công bằng; gắn với ổn định xã hội và an ninh quốc phòng.

4.4.4. Quan điểm phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

- Phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN một cách tuần tự;

- Phát triển thị trường phải có lộ trình và mô hình phù hợp căn cứ vào điều kiện thực tiễn của Vùng;

- Phát triển thị trường phải chú trọng cả về số lượng, chất lượng và sự đồng bộ của các yếu tố cấu thành;

- Đảm bảo hài hòa lợi ích của các chủ thể trên thị trường KH&CN ở vùng DTTS&MN;

- Phát triển thị trường phải đặt trong tổng thể phát triển chung của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

4.5. Định hướng phát triển các thị trường ở vùng DTTS&MN đến năm 2030

4.5.1. Định hướng phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

- Phát triển thị trường hàng hóa phù hợp với tập quán sản xuất, đặc điểm mua bán và tiêu dùng của đồng bào vùng DTTS&MN;
- Phát triển nguồn cung hàng hóa trên thị trường trên cơ sở hướng vào các loại đặc sản, những loại sản phẩm độc đáo, truyền thống bản địa;
- Phát triển nguồn cung hàng hóa dựa vào công nghệ để kiểm soát chất lượng và tăng sản lượng sản xuất;
- Phát triển cầu thị trường hàng hóa trên cơ sở tập trung nguồn lực phát triển sản xuất, tăng thu nhập, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo bền vững ở vùng DTTS&MN;
- Gắn doanh nghiệp vào sản xuất của đồng bào DT để bảo đảm yếu tố thị trường, cũng như bảo đảm đưa được công nghệ để kiểm soát năng suất, chất lượng sản phẩm;
- Tạo ra cơ chế, chính sách hấp dẫn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vùng miền núi, gắn kết chặt doanh nghiệp với đồng bào;
- Coi trọng phát triển thương mại biên giới các tỉnh vùng DTTS&MN đối với Trung Quốc, Lào và Campuchia;
- Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nói chung, đặc biệt là hạ tầng giao thông.

4.5.2. Định hướng phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

- Xây dựng phát triển và sử dụng nguồn nhân lực của vùng DTTS&MN phải được đặt trong tổng thể chiến lược chung của quốc gia;
- Phát triển và phát huy nguồn nhân lực của vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải luôn giữ được một cơ cấu về số lượng một cách hợp lý;
- Chất lượng nguồn nhân lực phải đảm bảo tăng dần phù hợp với nhu cầu và trình độ phát triển kinh tế-xã hội của Vùng;
- Sử dụng nhân lực phải đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả phù hợp với yêu cầu phát triển vùng DTTS&MN trong từng giai đoạn;
- Việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực theo hướng bền vững là một trong những yêu cầu đặt ra hàng đầu.

4.5.3. Định hướng phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

- Các nguồn cung tín dụng với sản phẩm ưu đãi phù hợp điều kiện phát triển của Vùng và đảm bảo tính hiệu quả, bền vững;
- Khuyến khích và tạo điều kiện cho phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính theo hướng thị trường chung của cả nước;
- Xác định các yếu tố ưu đãi cho phát triển cung và cầu của Vùng.

4.5.4. Định hướng phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

- Triển khai hoạt động khoa học và công nghệ ở địa phương theo định hướng thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực của vùng, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;
- Nâng cao nhận thức và khuyến khích doanh nghiệp quan tâm đến việc ứng dụng KH&CN, công nghệ cao trong sản xuất, phát triển sản phẩm, hàng hóa theo chuỗi giá trị, giúp nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa;
- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo điều kiện hình thành các doanh nghiệp KH&CN;
- Phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ KH&CN, chuyển giao công nghệ;
- Đẩy mạnh công tác thống kê KH&CN, xây dựng và khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu KH&CN;
- Tăng cường kết nối hợp tác giữa các chủ thể trên thị trường KH&CN vùng DTTS&MN.

4.6. Giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

4.6.1. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển nguồn cung hàng hóa từ chính vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Nhanh chóng giải quyết dứt điểm và có hiệu quả các vấn đề về đất đai vùng DTTS&MN
- Phát triển mạnh sản xuất hàng hóa theo hướng tập trung để tạo ra lượng hàng đủ lớn, chất lượng sản phẩm được nâng cao để cung ứng cho thị trường tại vùng DTTS&MN
- Đẩy mạnh tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung đối với những sản phẩm có lợi thế, vừa phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của Vùng, vừa mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội đối với bà con đồng bào vùng DTTS&MN
- Thúc đẩy việc tiếp cận, chuyển giao khoa học công nghệ, áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp để nâng cao chất lượng, giá trị của sản phẩm nông sản của đồng bào vùng DTTS&MN
- Xác định doanh nghiệp là hạt nhân, đóng vai trò then chốt, quyết định đến sự phát triển sản xuất nông nghiệp của vùng DTTS&MN để từ đó có những chính sách hỗ trợ hiệu quả đối với doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp của Vùng
- Đẩy mạnh phát triển mô hình hợp tác xã nông nghiệp và Chương trình OCOP
- Đẩy mạnh phát triển mô hình mỗi xã một sản phẩm OCOP
- Thu hút đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

4.6.2. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển nguồn cung hàng hóa từ các vùng miền khác trên cả nước

- Tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng giao thông để tạo thuận lợi trong hoạt động vận chuyển, cung ứng và trao đổi hàng hóa từ các vùng, miền khác đến vùng DTTS&MN.

- Hỗ trợ hiệu quả hơn đối với các doanh nghiệp, nhà phân phối cung ứng hàng hóa từ các vùng, miền khác trên cả nước khi tham gia thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN.

4.6.3. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển nguồn cung hàng hóa từ nhập khẩu

- Phát triển hạ tầng thương mại biên giới
- Giải pháp về nhập khẩu hàng hoá

4.6.4. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển cầu hàng hóa ở vùng DTTS&MN

- Nhóm giải pháp chung nhằm tăng thu nhập và mức sống của dân cư, tạo điều kiện để tăng nhu cầu tiêu dùng sản phẩm, tăng sức mua trên thị trường;
- Nhóm giải pháp tạo thuận lợi trong mua sắm, tăng sức mua trên thị trường;
- Nhóm giải pháp tạo lượng hàng hóa phong phú, đa dạng, giá cả hợp lý để tăng sức mua trên thị trường.

4.6.5. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển cầu hàng hóa của vùng DTTS&MN từ các vùng, miền khác trên cả nước

- Xây dựng, thực hiện các chính sách khuyến khích sản xuất nông sản đặc trưng, đặc sản miền núi tiêu thụ qua kênh phân phối hiện đại.
- Phát triển liên kết trong chế biến, bảo quản, sơ chế để nâng cao giá trị nông sản đặc trưng, đặc sản đáp ứng yêu cầu của kênh phân phối hiện đại.
- Lựa chọn sản phẩm, xây dựng một số mô hình liên kết sản xuất sản xuất và tiêu thụ nông sản đặc trưng, đặc sản khu vực miền núi.
- Tăng cường kết nối thị trường cho sản phẩm đặc trưng vùng miền DTTS&MN

4.6.6. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển cầu hàng hóa của vùng dân tộc thiểu số và miền núi cho xuất khẩu

** Về phía nhà nước*

- Cần có chiến lược hội nhập quốc gia và chiến lược sản phẩm riêng gắn với đặc thù của vùng DTTS&MN.
- Cùng với những hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo cần triển khai hỗ trợ thêm về vốn tín dụng cung cấp phục vụ sản xuất đối với đồng bào vùng DTTS&MN.
- Tập trung phát triển các vùng trọng điểm sản xuất hàng hóa, xây dựng một số chuỗi ngành hàng chiến lược phục vụ xuất khẩu và thị trường trong nước, trọng tâm là sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, nhằm kết nối thị trường cho các sản phẩm được đầu tư phát triển.
- Tập trung tạo điều kiện để người DTTS tham gia cung cấp dịch vụ công ích (trồng rừng, bảo vệ môi trường, quốc phòng), hỗ trợ phát triển sản xuất kết nối với thị trường, ổn định cuộc sống.
- Nâng cao trình độ nhận thức, thể trạng con người, năng lực phát triển sinh kế, từng bước hình thành sản xuất sản phẩm gắn với thị trường.
- Xác định doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, là nhân tố quyết định đến việc đưa sản phẩm của đồng bào vùng DTTS&MN ra thị trường thế giới.

- Xây dựng hệ thống tìm hiểu thông tin thị trường tại các nước, huy động hệ thống tham tán thương mại, kết nối với các tổ chức chuyên nghiên cứu thị trường ở các nước xuất khẩu đối với các sản phẩm của vùng DTTS&MN.

** Về phía các doanh nghiệp tại vùng DTTS&MN*

Cần giải pháp về thông tin thị trường, về xúc tiến thương mại, kết nối sản phẩm hàng hóa của vùng DTTS&MN với thị trường xuất khẩu.

4.6.7. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển các trung gian thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN

** Phát triển các trung gian thị trường gắn với đặc thù của từng khu vực thị trường, từng vùng, từng nhóm dân tộc*

- Hình thành hệ thống thu mua sản phẩm qua thương lái và mạng lưới thu gom hàng hóa của doanh nghiệp bởi đây là kênh phân phối có khả năng thâm nhập sâu nhất vào thị trường, là thành tố chính hình thành các chuỗi cung ứng hàng hóa vùng DTTS&MN.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào vùng DTTS&MN trên cơ sở có chính sách hỗ trợ hiệu quả hơn về thuế, đất, tín dụng, cũng như tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm mạnh các rào cản về điều kiện kinh doanh trong nông nghiệp; tạo sức hấp dẫn doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

- Đẩy mạnh việc hình thành và phát triển chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ để tăng quy mô sản xuất, giảm chi phí sản phẩm, góp phần nâng cao lợi ích của các tác nhân tham gia chuỗi giá trị, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc.

- Các địa phương trong vùng đồng bào DTTS&MN cần tiếp tục hỗ trợ đồng bào trong việc áp dụng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, như hỗ trợ tư vấn liên kết; đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo nghề; hỗ trợ về giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm; chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới theo mô hình ứng dụng công nghệ cao...

- Đối với kênh phân phối hàng hóa, có thể phát triển các kênh phân phối theo chiều dọc và theo chiều ngang.

- Tích cực thực hiện đề án “mỗi xã một sản phẩm”.

- Thông qua Trung tâm Khuyến nông các tỉnh vùng DTTS&MN triển khai các mô hình thiết thực, tập trung vào thế mạnh.

- Để khắc phục khó khăn trong việc vận chuyển hàng hóa về các khu vực miền núi, vùng DTTS&MN, các doanh nghiệp cần liên kết với các nhà phân phối.

** Giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển hạ tầng thương mại ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi*

- Cần tiếp tục đầu tư phát triển mạng lưới chợ vùng DTTS&MN nói chung, trong đó có chợ biên giới.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư hơn nữa đối với hạ tầng giao thông, tạo đòn bẩy quan trọng để thu hút phát triển những hạ tầng khác, trong đó có hạ tầng thương mại nhằm phát triển kinh tế - xã hội của vùng theo nguyên tắc đầu tư đồng đều và đảm bảo chất lượng các công trình.

- Cần có sự phối hợp trong ban hành chính sách giữa các cấp, các ngành nhằm tránh tình trạng chông chéo trong chính sách để chính sách đi vào thực tế hiệu quả hơn.

- Các chính sách ưu đãi được ban hành cần phù hợp với điều kiện thực tế và đặc thù của vùng nhằm phát huy hiệu quả của chính sách; trong đó, những ưu đãi đầu tư cần tập trung hơn thay vì ưu đãi phân tán, nhỏ lẻ nhằm nâng cao hiệu quả của chính sách.

- Điều chỉnh, bổ sung một số quy định đặc thù trong các chính sách ban hành đối với ngành thương mại nhằm tạo điều kiện thuận lợi đối với phát triển thương mại, từ đó thúc đẩy phát triển KT-XH của những khu vực đặc thù này.

- Đầu tư phát triển thị trường hàng hóa tương xứng với vai trò và tầm quan trọng đối với phát triển KT-XH của cả nước nói chung và đối với các tỉnh thuộc vùng DTTS&MN.

- Tăng cường tuyên truyền và thông tin những chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại vùng DTTS&MN.

- Xác định nguồn vốn phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, đặc biệt là đối với mạng lưới chợ khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu vùng xa bằng nguồn vốn ngân sách thay vì chủ trương xã hội hóa đầu tư như hiện nay.

- Phát triển mạng lưới các cửa hàng tạp hóa, cửa hàng chuyên doanh hoặc đại lý (thiết bị điện gia dụng, đồ gỗ, quần áo, giày dép...) để cung cấp thực phẩm và đồ uống đóng gói, hàng tiêu dùng và hàng cá nhân.

4.6.8. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm hoàn thiện môi trường kinh doanh ở vùng DTTS&MN ở nước ta đến năm 2030

** Chính sách đầu tư*

Cần có chính sách hiệu quả hơn để thu hút mạnh mẽ đầu tư trong nước và nước ngoài đối với vùng DTTS&MN, thông qua tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, luật pháp rõ ràng và cơ sở hạ tầng tốt.... Bên cạnh đó cần nghiên cứu, cụ thể hóa chính sách phát triển khu kinh tế cửa khẩu để tranh thủ sự đầu tư, hỗ trợ của Chính phủ.

** Chính sách xuất nhập khẩu*

Hoàn thiện chính sách XNK theo hướng tập trung vào các chính sách bộ phận, như phát triển thị trường XNK, mặt hàng XNK và phát triển thương nhân, nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng và phát huy lợi thế của từng địa phương trong Vùng.

Chú trọng xuất khẩu các mặt hàng có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh, tốc độ tăng trưởng và giá trị gia tăng cao, nhất là các sản phẩm chế biến sâu có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, các sản phẩm trí tuệ và dịch vụ kỹ thuật cao thông qua chính sách thu hút đầu tư, ưu đãi về thuế, hỗ trợ trong sản xuất và hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu,...

Về nhập khẩu, kiểm soát tốt hoạt động nhập khẩu theo đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo kiểm soát hoạt động nhập khẩu các hàng hóa gây nguy hại cho môi trường và không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

** Chính sách thương mại biên giới*

Cần nghiên cứu xây dựng định hướng phát triển thương mại biên giới giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới theo hướng ổn định, bền vững. Đồng thời, tăng cường thực thi các quy định pháp luật về quản lý hoạt động thương mại biên giới.

Xây dựng các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia thương mại biên giới để tận dụng các lợi thế của thương mại biên giới.

Tăng cường sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phối hợp quản lý giữa các lực lượng chức năng tại cửa khẩu nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh biên mậu.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong hoạt động thương mại biên giới, đơn giản hoá các thủ tục quản lý xuất nhập khẩu, đặc biệt là thủ tục thông quan.

Tăng cường cung cấp thông tin thị trường và các dịch vụ hỗ trợ khác đối với hoạt động kinh doanh qua hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại trên tuyến biên giới. Tăng cường xây dựng liên kết giữa các địa phương biên giới với các địa phương trong nội địa, giữa người sản xuất và người xuất khẩu.

Nâng cao tính chủ động trong tổ chức quản lý và điều hành hoạt động xuất nhập khẩu, mua bán, trao đổi hàng hóa qua các cửa khẩu trên địa bàn theo quy định của các tỉnh biên giới. Tăng cường liên kết giữa chính quyền địa phương và thương nhân biên giới với chính quyền địa phương và thương nhân sản xuất, xuất khẩu trong cả nước.

Xây dựng cơ chế, chính sách hiệu quả hơn trong thu hút đầu tư xã hội hóa phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng thương mại tại các tỉnh biên giới.

Phát triển các dịch vụ hỗ trợ, vận tải, kho bãi, giao nhận hàng hóa; bảo quản, giám định và kiểm tra chất lượng hàng hóa..., để hỗ trợ hiệu quả hơn thương mại biên giới.

** Tăng cường liên kết, hợp tác phát triển vùng*

Tăng cường công tác liên kết, phát triển vùng trên các lĩnh vực như nông nghiệp, du lịch, công nghiệp và thương mại.... Thông qua các chương trình xúc tiến thương mại của các tỉnh (hội chợ, hội nghị, hội thảo...) để các địa phương có cơ hội trao đổi, quảng bá, giới thiệu sản phẩm hàng hóa do DN và người nông dân sản xuất ra, nhất là sản phẩm đặc sản của địa phương.

4.7. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

4.7.1. Giải pháp phát triển cung lao động vùng DTTS&MN

Cần chuyển đổi mạnh mẽ các chính sách hỗ trợ trực tiếp mang tính chất "cho không" sang chính sách tạo cơ hội cho đồng bào DTTS tự vươn lên thoát nghèo, cải thiện đời sống.

Coi trọng công tác đào tạo nghề cho người lao động dân tộc thiểu số, theo phương pháp đào tạo tại chỗ, "cầm tay chỉ việc".

Đảng và Nhà nước cần có những chính sách đặc biệt riêng biệt nhằm thúc đẩy giải quyết vấn đề này như: Nâng cao dân trí, tay nghề, kỹ năng, chính sách dạy nghề cho người dân tộc thiểu số...

Đầu tư tạo tiền đề cho sự ra đời và kích thích sự phát triển của các loại thị trường.

4.7.2. Giải pháp phát triển cầu lao động vùng DTTS&MN

Các chính sách cần chú trọng hơn trong đầu tư phát triển để khai thác các thế mạnh vùng DTTS&MN.

Cần có các chính sách khuyến khích đầu tư mạnh mẽ và hấp dẫn hơn nữa vào vùng DTTS&MN.

Tạo môi trường và điều kiện thu hút doanh nghiệp.

Tăng cường sự tham gia của người dân vùng đặc biệt khó khăn trong việc hoạch định, thực hiện và giám sát chính sách.

Cần bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách phù hợp, tránh bố trí dàn trải.

Nhà nước và chính quyền địa phương cần có chính sách và tạo các điều kiện để thu hút các DN sản xuất kinh doanh tại địa phương và sử dụng lao động tại chỗ.

4.7.3. Giải pháp phát triển trung gian thị trường lao động vùng DTTS&MN

Cần tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục với các cơ quan đơn vị khác.

Các chức năng tư vấn, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho người lao động vùng dân tộc đã chỉ ra những bất cập của hoạt động này.

Triển khai các dự án hỗ trợ đào tạo phát triển trồng trọt, chăn nuôi, phát triển các ngành nghề truyền thống... gắn với điều kiện kinh tế xã hội cho phụ nữ DTTS.

Chính sách tự tạo việc làm thông qua các hỗ trợ về nguồn lực xã hội, nguồn lực tài chính.

Cần có chính sách phù hợp hơn trong tổ chức, đào tạo và tạo các điều kiện để bà con DTTS có thể tham gia đi lao động ở nước ngoài;

Xây dựng đồng bộ các chính sách về thị trường, mặt hàng, các chính sách về tài chính tiền tệ, đất đai, lao động, khoa học và công nghệ, đầu tư,....

4.8. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

4.8.1. Tăng cường nguồn vốn cho thị trường tài chính vùng DTTS&MN

** Nguồn vốn ngân sách nhà nước*

- Cần có cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù trong huy động và phân bổ các nguồn lực cho Vùng năm 2020, giai đoạn 2021 – 2025 và giai đoạn đến năm 2030.

- Cần ưu tiên bố trí vốn cho Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trong giai đoạn 2021- 2030 trong phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, ưu tiên các nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước cho các vùng đồng bào DTTS&MN, vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lũ và các vùng bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu.

- Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển KT-XH của cả nước, của các cấp, các ngành.

- Sử dụng nguồn vốn đầu tư công như nguồn vốn môi để thu hút được các nguồn vốn tư nhân cho phát triển ở vùng DTTS&MN.

- Có cơ chế ưu tiên nguồn vốn viện trợ nước ngoài, vốn ODA, trái phiếu Chính phủ, thu vượt ngân sách....

** Nguồn vốn tín dụng*

- Cần đa dạng hóa nguồn vốn tín dụng chính sách.
- Cần kết hợp chặt chẽ giữa tín dụng chính sách với tín dụng thương mại
- Cần điều chỉnh lãi suất cho vay phù hợp đối với từng đối tượng
- Cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách tín dụng ngân hàng, trong đó có quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng (TCTD); phát triển các sản phẩm tín dụng tiêu dùng lành mạnh; tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính vi mô phát triển an toàn, hiệu quả.

4.8.2 Tăng cường nguồn cung sản phẩm trên thị trường

Tăng cường nguồn cung ứng sản phẩm chất lượng trên thị trường thông qua việc nâng cao quy định về phát hành, niêm yết, phát triển các sản phẩm mới bằng các biện pháp như có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, tổng công ty lớn niêm yết chứng khoán trên thị trường giao dịch có tổ chức; phát triển thị trường chứng khoán phái sinh nhằm tạo thanh khoản cho thị trường, đồng thời góp phần thu hút nhà đầu tư....

4.8.3. Đa dạng hóa nhà đầu tư trên thị trường

Đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư nhằm tăng cầu cho thị trường tài chính, thu hút thêm nguồn vốn cho thị trường vốn.

Phát triển hệ thống nhà đầu tư, đặc biệt nhà đầu tư tổ chức là một nhiệm vụ quan trọng trên thị trường tài chính vùng DTTS&MN.

Khuyến khích thành lập và tham gia vào thị trường của các nhà đầu tư khác như Bảo hiểm tiền gửi, quỹ hưu trí, quỹ đầu tư, các cơ quan nhà nước (SCIC, DATC) thông qua các biện pháp như quy định tỷ lệ phân bổ đầu tư buộc phải đầu tư một phần tài sản vào chứng khoán, ưu đãi thuế, giảm yêu cầu khi thành lập mới ở vùng DTTS&MN.

Đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm mang tính phòng vệ (hedging) như chứng khoán phái sinh, thoái vốn từ các tập đoàn.

Tăng cường thu hút nhà đầu tư nước ngoài bằng cách tập trung phát triển thị trường về chiều sâu, giảm rủi ro cho các nhà đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.

4.8.4. Tăng cường sự tham gia của các định chế tài chính và nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường vùng DTTS&MN

Tiếp tục phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động và vai trò của các Hiệp hội nghề nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ tài chính và thị trường vốn.

Phát triển các định chế trung gian và dịch vụ thị trường.

4.8.5. Tiếp tục mở rộng và phát triển thị trường vốn theo chiều sâu, tăng cường hội nhập

- Tự do hóa hoạt động thị trường theo hướng loại bỏ bớt các điều kiện tiếp cận thị trường, cho phép các tổ chức DN dễ dàng tiếp cận thị trường tài chính vùng DTTS&MN.

- Mở rộng thị trường dưới hình thức áp dụng cơ chế đại chúng hóa, phát hành ra công chứng gắn với niêm yết, đăng ký giao dịch.

- Tập trung phát triển cơ sở nhà đầu tư có tổ chức, tiếp tục thu hút vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài.

- Thúc đẩy thị trường trái phiếu DN và đa dạng hóa cấu trúc sản phẩm trên thị trường phái sinh.

4.8.6. Nâng cao hiệu quả kiểm soát vốn

- Tăng cường công tác lập kế hoạch đầu tư và phân bổ vốn đầu tư;

- Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thẩm định dự án;

- Tăng cường công tác đấu thầu;

- Tăng cường công tác quyết toán dự án hoàn thành, tăng cường công tác phối hợp giữa chủ đầu tư và cơ quan thẩm tra quyết toán...

4.8.7. Hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát của Nhà nước

Đẩy mạnh hợp tác, tư vấn, nghiên cứu hoàn thiện môi trường pháp lý cho thị trường tài chính nói chung và dịch vụ nói riêng, như dịch vụ uỷ thác, giao dịch các công cụ phái sinh, đặc biệt là ở vùng DTTS&MN.

4.8.8. Nâng cao kiến thức tài chính của người dân vùng DTTS&MN

Cần được thực hiện các công tác giúp nâng cao kiến thức tài chính cho người dân vùng DTTS&MN trong tiếp cận thị trường, nâng cao thu nhập, cách thức tiếp cận và sử dụng các nguồn vốn, cũng như xây dựng các kế hoạch tài chính cá nhân và gia đình ...

4.9. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

4.9.1. Giải pháp chung phát triển thị trường KH&CN

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về KH&CN và phát triển thị trường KH&CN;

- Phát triển tổ chức trung gian trên thị trường KH&CN;

- Xây dựng bộ chỉ số thống kê, đo lường kết quả và hiệu quả hoạt động KH&CN của các ngành và địa phương;

- Xây dựng hệ thống các giải pháp để hỗ trợ phát triển thị trường trong nước, ngăn chặn nhập khẩu các sản phẩm, công nghệ lạc hậu;

- Huy động vốn đầu tư cho phát triển thị trường KH&CN;

- Thuế, phí, tiền lương và cung cấp dịch vụ tài chính khác;

- Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu, quyền tác giả và thông tin khoa học và công nghệ;

- Khai thác và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học.

4.9.2. Giải pháp phát triển thị trường KH&CN vùng DTTS&MN

- Phát triển các loại hình thị trường liên quan để thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường KH&CN;
- Hoàn thiện thể chế hỗ trợ phát triển thị trường KH&CN vùng DTTS&MN;
- Tạo lập và thúc đẩy nhu cầu về KH&CN ở vùng DTTS&MN thông qua khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ, năng lực hấp thụ công nghệ. Trong đó, nâng cao vai trò của quản lý nhà nước trong cả ngắn hạn và dài hạn sẽ mang tính quyết định;
- Thúc đẩy nguồn cung về KH&CN cho thị trường, trước mắt cần tập trung vào vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước;
- Phát triển nguồn nhân lực KH&CN cho vùng DTTS&MN;
- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, tư vấn, môi giới chuyển giao công nghệ;
- Tăng cường hoạt động thông tin, tuyên truyền để chủ trương thúc đẩy các hoạt động KH&CN đến được các cấp, ngành và người dân trong Vùng;
- Giải quyết những vấn đề tồn tại, bất cập trong chuyển giao công nghệ tại vùng DTTS&MN

4.10. Một số kiến nghị về chương trình nghiên cứu khoa học và đề án nhằm phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Kiến nghị đối với Ủy ban Dân tộc

Ủy ban Dân tộc cần tiếp tục xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ các cấp (cấp quốc gia, cấp bộ), các đề tài, đề án và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học nhằm phát triển đồng bộ các loại thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, cũng như các giải pháp để phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo tính đồng bộ, tính hợp lý, cụ thể và khả thi, gắn kết với các vùng miền trong cả nước trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Các chủ đề nghiên cứu về phát triển các loại thị trường, phát triển các ngành, các lĩnh vực về kinh tế, xã hội, môi trường... cần cụ thể và khả thi, gắn với thực tiễn của Vùng dân tộc và thiểu số trong mối quan hệ gắn bó với vùng miền khác. Tránh đặt ra những chủ đề nghiên cứu quá rộng và quá lớn, quá phức tạp, để đảm bảo đạt được hiệu quả và khả thi.

- Kiến nghị đối với các bộ ngành có liên quan

Các Bộ, Ngành có liên quan tiếp tục xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ các cấp nhằm phát triển kinh tế, xã hội và các loại thị trường ở nước ta, trong đó có vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta trong bối cảnh và điều kiện phát triển mới của đất nước và quốc tế.

Đổi mới và hoàn thiện cơ chế xét duyệt, giao nhiệm vụ cũng như cơ chế tài chính, giải ngân đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

KẾT LUẬN

Với đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển thị trường (hàng hóa, lao động, tài chính, khoa học và công nghệ) ở vùng DTTS&MN, để đạt được mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia “Các giải pháp cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường vùng DTTS&MN ở Việt Nam”, đã giải quyết những nội dung cơ bản sau đây.

Thứ nhất, phát triển thị trường hàng hóa, thị trường lao động, thị trường tài chính, thị trường khoa học và công nghệ, trong đó phát triển thị trường hàng hóa có thể được coi là trung tâm, do tính chất đặc thù vùng miền cũng như đặc điểm nhân khẩu học.

Ở góc độ quản lý nhà nước, phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN được thực hiện thông qua các chính sách cụ thể. Tuy nhiên, các chính sách thường không có sự phân chia phạm vi, đối tượng hay mục tiêu theo thành tố thị trường, mà thực tế có sự giao thoa chính sách khá rộng. Do vậy, tiếp cận phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN ở góc độ quản lý nhà nước được phân tích đa chiều và toàn diện. Với ba thị trường còn lại - là những thị trường hết sức quan trọng, có vai trò thúc đẩy, hỗ trợ đắc lực cho sự phát triển của thị trường hàng hóa, đề tài cũng có cách tiếp cận từ quản lý chính sách vĩ mô của nhà nước.

Về căn bản, cách tiếp cận về lý luận đối với phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN Việt Nam trong nghiên cứu này là nghiên cứu các chính sách, biện pháp phát triển thị trường cũng như đề cập phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN theo hướng bền vững. Đề tài cũng có tiếp cận về vấn đề và giải pháp cơ bản, cấp bách trong phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN lâu và vẫn đang tiếp diễn trên thị trường vùng DTTS&MN. Các vấn đề cơ bản và cấp bách không phải là vấn đề mới phát sinh do những hiện tượng bất thường về kinh tế, chính trị hay xã hội, mà đó là những vấn đề, hạn chế có tính cố hữu, do đặc thù kinh tế, xã hội, văn hóa, tập quán của vùng DTTS&MN tạo ra. Bên cạnh đó là những vấn đề và giải pháp thuộc các phạm trù cốt lõi trong phát triển thị trường. Từ vai trò và đặc trưng của thị trường vùng DTTS&MN, cho thấy phát triển thị trường vùng DTTS&MN không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn góp phần ổn định xã hội, an ninh quốc phòng tại khu vực này.

Việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển thị trường vùng DTTS&MN là căn cứ giúp cho các nhà hoạch định chính sách trung ương và địa phương đưa ra các giải pháp hiệu quả. Theo ma trận PEST và PEST +, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN được tiếp cận và phân tích bao gồm: Nhóm nhân tố chính trị; Nhóm nhân tố kinh tế; Nhóm nhân tố xã hội; Nhóm nhân tố khoa học kỹ thuật và môi trường; Nhân tố khác (chính sách về thuế, trợ cấp...), cũng như một số nhóm nhân tố riêng đối với phát triển từng thị trường (hàng hóa, lao động, tài chính, KH&CN).

Các tiêu chí đánh giá sự phát triển của thị trường vùng DTTS&MN, cũng như tiêu chí đánh giá chính sách liên quan đến phát triển các thị trường đã được xác định để làm căn cứ cho đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp thị trường. Trong đó có một số tiêu

chí còn chưa định lượng được, đây sẽ là nội dung của các nghiên cứu khác, với điều kiện tài chính và điều kiện về phạm vi thời gian khác.

Thứ hai, nghiên cứu kinh nghiệm từ một số quốc gia có điều kiện tương đồng với Việt Nam về đồng bào vùng DTTS&MN (Trung Quốc, Thái Lan, Ba Lan), để rút ra những bài học gợi mở, cũng sẽ là tham khảo hữu ích cả về lý luận và thực tiễn cho Việt Nam tiếp tục đưa ra các phương hướng và biện pháp kịp thời, hữu hiệu nhằm giải quyết các vấn đề căn bản và cấp bách của khu vực này.

Những bài học kinh nghiệm về phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN và điều kiện áp dụng cho Việt Nam được rút ra, tựu trung là: (1) phát triển hạ tầng là nền tảng và yếu tố then chốt cho phát triển kinh tế và thị trường vùng DTTS&MN; (2) phát triển thị trường cần gắn với phát huy lợi thế của các dân tộc vùng DTTS&MN; (3) chính sách phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN cần thực hiện lồng ghép với các chính sách dân tộc khác; (4) phát triển thị trường cần đi đôi với tôn trọng các giá trị văn hóa nền tảng của đồng bào vùng DTTS&MN; (5) phát huy vai trò của kinh tế tư nhân, vai trò của cộng đồng trong phát triển thị trường vùng DTTS&MN; (6) gắn kết chặt chẽ giữa nhà nước, DN và địa phương trong phát triển thị trường; (7) thu hút đầu tư FDI và trong nước vào vùng DTTS&MN; (8) phát triển hạ tầng - kết nối thị trường; (9) bài học cho các DN và địa phương trong phát triển kinh tế tại vùng DTTS&MN; (10) bài học về phát triển nguồn nhân lực ở vùng DTTS&MN.

Thứ ba, nội dung nghiên cứu về chính sách liên quan đến phát triển các thị trường ở vùng DTTS&MN trong thời kỳ đổi mới được tiếp cận chủ yếu ở các chính sách vĩ mô.

Từ khi thực hiện Đổi mới cho đến nay, đã có rất nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực khác đối với đồng bào DTTS&MN, trong đó có chính sách trực tiếp chính sách gián tiếp do các Bộ, ngành quản lý, chủ trì chỉ đạo liên quan đến phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN nước ta. Riêng trong ba năm gần đây (giai đoạn 2016 - 2018), Chính phủ đã ban hành 41 chính sách, trong đó có 15 chính sách trực tiếp cho vùng DTTS&MN và 26 chính sách chung gián tiếp cho đồng bào DTTS.

Có thể thấy, các chính sách phát triển thị trường vùng DTTS&MN của Việt Nam đã đem lại những chuyển biến tích cực cho đời sống sản xuất, xã hội của đồng bào DTTS. Kết quả đạt được khá toàn diện trên mọi mặt, từ các chính sách phát triển thị trường hàng hóa, các chính sách phát triển thị trường lao động, cho đến các chính sách phát triển thị trường tài chính và thị trường KH&CN. Hiệu quả của các chính sách thể hiện không những là hiệu quả kinh tế mà còn là hiệu quả xã hội. Tuy nhiên, hiệu quả đối với môi trường của các chính sách chưa được đề cập sâu khi đánh giá hiệu quả và tác động của các chính sách.

Bên cạnh các kết quả khả quan, thì những hạn chế, khó khăn vẫn còn tồn tại. Đó là một số chính sách chưa thực sự phù hợp với điều kiện thực tế tại một số địa phương vùng DTTS&MN trong quá trình triển khai thực hiện. Trong xây dựng và triển khai chính sách pháp luật về dân tộc còn thiếu quy định về quy trình xây dựng

chính sách; còn thiếu một số chính sách phát triển bền vững cho vùng đồng bào DTTS; nhiều nội dung chính sách dân tộc còn có sự chồng chéo, chưa sát hợp với thực tiễn hoặc thiếu nguồn lực thực thi, làm hạn chế hiệu quả của hệ thống chính sách pháp luật; công tác kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện chính sách dân tộc chưa được thực hiện thường xuyên; việc rà soát xây dựng, chỉnh sửa, hoàn thiện một số đề án, chính sách dân tộc còn chậm, chất lượng còn hạn chế. Nguyên nhân của các hạn chế xuất phát từ môi trường kinh doanh ở Việt Nam; ở cơ sở hạ tầng giao thông khu vực miền núi; cũng như ở vấn đề nguồn lực con người và nguồn lực tài chính dành cho khu vực này....

Thứ tư, các vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường (hàng hóa, lao động, tài chính, KH&CN) ở vùng DTTS&MN nước ta hiện nay được nhận diện như sau:

Liên quan đến thị trường hàng hóa, điểm mấu chốt là cần tập trung: tiếp tục đầu tư, hoàn thiện và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu ở vùng đồng bào DTTS, nhất là hạ tầng giao thông ở vùng cao, vùng biên giới đặc biệt khó khăn; tập trung phát triển các vùng trọng điểm sản xuất hàng hóa, xây dựng một số chuỗi ngành hàng chiến lược trước hết phục vụ thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu, trọng tâm là sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp; tập trung tạo điều kiện để người DTTS tham gia cung cấp dịch vụ công ích (trồng rừng, bảo vệ môi trường, quốc phòng).

Về thị trường lao động thì chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm gắn với phát triển nguồn nhân lực vùng DTTS&MN còn ít và chưa đầy đủ; chuyển dịch cơ cấu việc làm vùng DTTS &MN chậm, tình trạng thiếu việc làm trong thanh niên tăng.

Về thị trường tài chính, có thể thấy quy mô, cơ cấu hàng hóa trên thị trường tài chính còn nhỏ và yếu, chưa phát triển đồng bộ về cơ cấu, chưa đồng đều về trình độ giữa các bộ phận hợp thành.

Về thị trường KH&CN thì chuyển giao công nghệ từ tổ chức nghiên cứu đến các DN ở vùng DTTS&MN còn rất ít và chậm; kết nối giữa nhà khoa học, viện trường; tổ chức trung gian và doanh nghiệp tại khu vực DTTS&MN còn nhiều hạn chế. Gần như nhu cầu KH&CN, nguồn lực KH&CN tại vùng này còn vô cùng hạn chế.

Thứ năm, do sự biến động tình hình thế giới cũng như khu vực và thị trường trong nước, dự báo thị trường (hàng hóa, lao động, tài chính, KH&CN) vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030 được cho là hết sức cấp bách, không chỉ do kết quả kinh tế từ phát triển thị trường này mang lại mà còn là vấn đề an ninh, quốc phòng.

Thứ sáu, quan điểm phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030 là đảm bảo theo quy luật kinh tế thị trường, đảm bảo cân đối cung cầu; trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh của vùng và gắn với hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN theo hướng bền vững và công bằng, đảm bảo lợi ích cho các thành phần yếu thế và ít cơ hội để phát triển; phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN làm động lực để phát triển các loại thị trường khác, bao gồm thị trường lao động, thị trường tài chính, thị trường khoa học và công nghệ.

Quan điểm phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN coi trọng đáp ứng mục tiêu tăng trưởng bền vững, hỗ trợ tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và phát triển con người; Tuân thủ các qui định pháp luật, tham gia vào thị trường lao động ở vùng DTTS&MN người lao động được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, nâng cao tiền lương (tiền công), người lao động được làm việc trong môi trường lao động cải thiện, đảm bảo các chế độ bảo hiểm xã hội; phát triển thị trường lao động phải đảm bảo yêu cầu thống nhất, thông suốt của thị trường lao động trên toàn quốc và liên thông với thị trường quốc tế.

Quan điểm phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030 hết sức cần thiết là phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN phải gắn với đảm bảo lợi ích cho các thành phần yếu thế và ít cơ hội để phát triển; gắn phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN với hài hòa phát triển văn hóa – xã hội; phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN phát huy được đặc trưng của người DTTS; theo hướng bền vững và công bằng; gắn với ổn định xã hội và an ninh quốc phòng. Đối với quan điểm phát triển thị trường khoa học và công nghệ vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030, cần đảm bảo hài hòa lợi ích của các chủ thể trên thị trường KH&CN ở vùng DTTS&MN; phát triển thị trường phải đặt trong tổng thể phát triển chung của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

Thứ bảy, các kiến nghị, giải pháp được đề xuất với nội dung phát triển từng thị trường cụ thể, nhằm giải quyết các vấn đề cơ bản và cấp bách của thị trường DTTS&MN Việt Nam. Bao gồm các giải pháp chung cũng như các giải pháp riêng, đặc thù.

Về phát triển thị trường hàng hóa, mô hình OCOP cần được xem xét để tạo ra sản phẩm của địa phương mà bà con không phải di dời đi nơi khác, song song với đó, cần phát triển hệ thống logistics hỗ trợ tích cực cho cả sản xuất và tiêu thụ hàng hoá (trong và ngoài vùng DTTS&MN).

Về phát triển thị trường lao động, cần chuyên đổi mạnh mẽ hơn nữa các chính sách hỗ trợ trực tiếp mang tính chất "cho không" sang chính sách tạo cơ hội cho đồng bào DTTS tự vươn lên thoát nghèo, cải thiện đời sống. Cần coi trọng công tác đào tạo nghề cho người lao động DTTS, theo phương pháp đào tạo tại chỗ, “cầm tay chỉ việc”.

Về phát triển thị trường tài chính, cần nâng cao kiến thức tài chính của người dân vùng DTTS&MN; đa dạng hóa nhà đầu tư trên thị trường; tiếp tục mở rộng và phát triển thị trường vốn theo chiều sâu, tăng cường hội nhập.

Phát triển thị trường KH&CN vùng DTTS&MN cần xem xét hoàn thiện thể chế hỗ trợ phát triển thị trường KH&CN vùng DTTS&MN; nhà nước tạo lập và thúc đẩy nhu cầu về KH&CN ở vùng DTTS&MN thông qua khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ, năng lực hấp thụ công nghệ; giải pháp phát triển nguồn nhân lực KH&CN cho vùng DTTS&MN; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, tư vấn, môi giới chuyển giao công nghệ.

Trong thời gian thực hiện đề tài, Ban chủ nhiệm và các thành viên tham gia đã nhận được sự quan tâm, giúp đỡ tận tình, quý báu, của các cấp lãnh đạo của cơ quan

đặt hàng và chủ trì thực hiện đề tài, của các nhà khoa học, các đồng nghiệp, đây cũng là động lực quan trọng để chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn và mong tiếp tục nhận được các ý kiến góp ý để chúng tôi tiếp tục hoàn thiện và nâng cao giá trị khoa học của các sản phẩm nghiên cứu.

BAN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI